

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Hồng Trang

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Hồng Trang
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Hồng Trang

Mã SV: 1312401054

Lớp: QT1702K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn tại công ty cổ phần
Đầu tư Sao Đỏ

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.
- Phản ánh được thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần Đầu tư Sao Đỏ.
- Đưa ra những nhận xét chung về công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị, từ đó đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện vốn bằng tiền tại công ty cổ phần Đầu tư Sao Đỏ.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm : 2016

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn tại công ty cổ phần Đầu tư Sao Đỏ.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 201

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 201

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2018

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

Lời mở đầu	1
Chương 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP	3
1. Tổng quát về vốn bằng tiền:	3
1.1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền:	3
1.2. Đặc điểm vốn bằng tiền và nhiệm vụ, nguyên tắc hạch toán:	3
1.2.1. Đặc điểm vốn bằng tiền.....	3
1.2.2. Nhiệm vụ	4
1.2.3. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền mặt	4
1.3. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền.....	5
1.3.1. Luân chuyển chứng từ.....	5
1.3.2. Hạch toán tiền mặt tại quỹ	6
1.3.2.1. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt.....	6
1.3.2.2. Nguyên tắc kế toán.....	7
1.3.2.3. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 111 - Tiền mặt.....	8
1.3.2.4. Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu	9
1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng:	14
1.4.1. Hạch toán tài khoản cần tôn trọng một số quy định sau:	14
1.4.2. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112 – Tiền Gửi Ngân Hàng	15
1.4.3. Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu	16
1.5. Hình thức sổ kế toán:	19
1.5.1. Hình thức nhật ký- sổ cái:	20
1.5.2. Hình thức “chứng từ ghi sổ”	21
1.5.3. Hình thức Nhật ký- chứng từ:	22
1.5.4. Hình thức Nhật ký chung:	23
1.5.5. Hình thức kế toán máy	24
Chương 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ	26
2.1. Đặc điểm tình hình chung	26
2.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	28
2.3. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.	28
2.4. Những kết quả cơ bản mà công ty đạt được trong những năm gần đây	29
2.5. Mô hình tổ chức bộ máy của công ty	31
2.6. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty đầu tư Sao Đỏ.....	33

2.6.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty	33
2.6.2 Chức năng , nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán.	33
2.6.3. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.	34
2.6.3.1. Hình thức kế toán:	34
2.6.3.2. Hình thức sổ kế toán.....	34
2.7. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ	36
2.7.1. Kế toán tiền mặt	36
2.7.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng	48
2.8. Đối chiếu và điều chỉnh sổ sách.....	57
2.8.1 Đối chiếu, kiểm tra và điều chỉnh nghiệp vụ phát sinh tiền mặt tại quỹ.....	57
2.8.2. Đối chiếu, kiểm tra và điều chỉnh nghiệp vụ phát sinh TGNH.	58
Chương 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ	60
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ.....	60
3.1.1. Ưu điểm, nhược điểm công tác kế toán vốn bằng tiền.	61
3.1.1.1. Ưu điểm.....	61
3.1.1.2. Nhược điểm.	63
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Đầu tư Sao Đỏ.	64
Kết luận	73

Lời mở đầu

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác, kế toán là công cụ để điều hành quản lý các hoạt động tính toán kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong công tác kế toán của doanh nghiệp chia ra làm nhiều khâu, nhiều phần hành nhưng giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ gắn bó tạo thành một hệ thống quản lý thực sự có hiệu quả cao. Thông tin kế toán là những thông tin về tính hai mặt của mỗi hiện tượng, mỗi quá trình: Vốn và nguồn, tăng và giảm ... Mỗi thông tin thu được là kết quả của quá trình có tính hai mặt: thông tin và kiểm tra. Do đó, việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, qua đó chúng ta biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

Thực tế ở nước ta trong thời gian qua cho thấy ở các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nói chung và vốn bằng tiền nói riêng còn rất thấp, chưa khai thác hết hiệu quả và tiềm năng sử dụng chúng trong nền kinh tế thị trường để phục vụ sản xuất kinh doanh, công tác hạch toán bị buông lỏng kéo dài.

Xuất phát từ những vấn đề trên và thông qua một thời gian thực tập em xin chọn đề tài sau để đi sâu vào nghiên cứu và viết khóa luận : ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn tại công ty cổ phần Đầu tư Sao Đỏ”***

Khóa luận tốt nghiệp gồm ba phần:

Chương 1: *Một số vấn đề lý luận cơ bản về hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền.*

Chương 2: *Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Đầu tư Sao Đỏ.*

Chương 3: *Một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Đầu tư Sao Đỏ.*

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1. Tổng quát về vốn bằng tiền:

1.1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền là toàn bộ các hình thức tiền tệ hiện thực do đơn vị sở hữu, tồn tại dưới hình thái giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là một loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có và sử dụng.

Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam: là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Ngoại tệ: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt nam như các đồng: đô là Mỹ (USD), bảng Anh (GBP), phrăng Pháp (FFr), yên Nhật (JPY), đô là Hồng Kông (HKD), mác Đức (DM) ...
- Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

Theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:

- Tiền tại quỹ: gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, bạc vàng, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.
- Tiền gửi ngân hàng: là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.
- Tiền đang chuyển: là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.2. Đặc điểm vốn bằng tiền và nhiệm vụ, nguyên tắc hạch toán:

1.2.1. Đặc điểm vốn bằng tiền

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu

hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hàng ngày không được vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và Ngân hàng đã thoả thuận theo hợp đồng thương mại, khi có tiền thu bán hàng phải nộp ngay cho Ngân hàng.

1.2.2. Nhiệm vụ

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền.
- Giám đốc thường xuyên tình hình thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng.
- Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt.
- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời.

1.2.3. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền mặt

- Hạch toán kế toán phải sử dụng thống nhất một đơn vị giá trị là “đồng Việt nam” để phản ánh tổng hợp các loại vốn bằng tiền.
- Nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra “đồng Việt Nam” để ghi sổ kế toán. Đồng thời phải theo dõi cả nguyên tệ của các loại ngoại tệ đó.
- Đối với vàng bạc, kim khí quý đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho doanh nghiệp không kinh doanh vàng bạc, kim khí quý đá quý phải theo dõi số lượng trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng loại, từng thứ. Giá nhập vào trong kỳ được tính theo giá thực tế, còn giá xuất được tính theo:
 - + Phương pháp giá thực tế bình quân gia quyền cả kỳ.
- Phải mở sổ chi tiết cho từng loại ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý theo đối tượng, chất lượng ... Cuối kỳ hạch toán phải điều chỉnh lại giá trị ngoại tệ

vàng bạc, kim khí quý, đá quý theo giá vào thời điểm tính toán để có được giá trị thực tế và chính xác.

- Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

1.3. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền

1.3.1. Luân chuyển chứng từ

- Để thu thập thông tin đầy đủ chính xác về trạng thái và biến động của tài sản cụ thể nhằm phục vụ kịp thời ban lãnh đạo, chỉ đạo điều hành kinh doanh của doanh nghiệp và làm căn cứ ghi sổ kế toán, cần thiết phải sử dụng chứng từ kế toán.

- Chứng từ kế toán là những phương tiện chứng minh bằng văn bản cụ thể tính hợp pháp của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Mọi hoạt động kinh tế tài chính trong doanh nghiệp đều phải lập chứng từ hợp lệ chứng minh theo đúng mẫu và phương pháp tính toán, nội dung ghi chép quy định. Một chứng từ hợp lệ cần chứa đựng tất cả các chỉ tiêu đặc trưng cho nghiệp vụ kinh tế đó về nội dung, quy mô, thời gian và địa điểm xảy ra nghiệp vụ cũng như người chịu trách nhiệm về nghiệp vụ, người lập chứng từ ...

- Cũng như các loại chứng từ phát sinh khác, chứng từ theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền luôn thường xuyên vận động, sự vận động hay sự luân chuyển đó được xác định bởi khâu sau:

- Tạo lập chứng từ: Do hoạt động kinh tế diễn ra thường xuyên và hết sức đa dạng nên chứng từ sử dụng để phản ánh cũng mang nhiều nội dung, đặc điểm khác nhau. Bởi vậy, tùy theo nội dung kinh tế, theo yêu cầu của quản lý là phiếu thu, chi hay các hợp đồng ... mà sử dụng một chứng từ thích hợp. Chứng từ phải lập theo mẫu nhà nước quy định và có đầy đủ chữ ký của những người có liên quan.

- Kiểm tra chứng từ: Khi nhận được chứng từ phải kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, hợp lý của chứng từ: Các yếu tố phát sinh chứng từ, chữ ký của người có liên quan, tính chính xác của số liệu trên chứng từ. Chỉ sau khi chứng từ được kiểm tra nó mới được sử dụng làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

- Sử dụng chứng từ cho kế toán nghiệp vụ và ghi sổ kế toán: cung cấp nhanh thông tin cho người quản lý phân hành này:

+ Phân loại chứng từ theo từng loại tiền, tính chất, địa điểm phát sinh phù hợp với yêu cầu ghi sổ kế toán.

+ Lập định khoản và ghi sổ kế toán chứng từ đó.

- Bảo quản và sử dụng lại chứng từ trong kỳ hạch toán: trong kỳ hạch toán, chứng từ sau khi ghi sổ kế toán phải được bảo quản và có thể tái sử dụng để kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Lưu trữ chứng từ: Chứng từ vừa là căn cứ pháp lý để ghi sổ kế toán, vừa là tài liệu lịch sử kinh tế của doanh nghiệp. Vì vậy, sau khi ghi sổ và kết thúc kỳ hạch toán, chứng từ được chuyển sang lưu trữ theo nguyên tắc.

+ Chứng từ không bị mất.

+ Khi cần có thể tìm lại được nhanh chóng.

+ Khi hết thời hạn lưu trữ, chứng từ sẽ được đưa ra huỷ.

1.3.2. Hạch toán tiền mặt tại quỹ

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại quý đá quý ...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung tại quỹ. Mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Pháp lệnh kế toán, thống kê nghiêm cấm thủ quỹ không được trực tiếp mua, bán hàng hoá, vật tư, kiêm nhiệm công việc tiếp liệu hoặc tiếp nhiệm công việc kế toán.

1.3.2.1. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt

Việc thu chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu chi. Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc (hoặc người có uỷ quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu - chi. Thủ quỹ sau khi nhận được phiếu thu - chi sẽ tiến hành thu hoặc chi theo những chứng từ đó. Sau khi đã thực hiện xong việc thu - chi thủ quỹ ký tên đóng dấu “Đã thu tiền” hoặc “Đã chi tiền” trên các phiếu đó, đồng thời sử dụng phiếu thu và phiếu chi đó để ghi vào sổ quỹ tiền mặt kiêm báo cáo quỹ. Cuối ngày thủ quỹ kiểm tra lại tiền tại quỹ, đối chiếu với báo cáo quỹ rồi nộp báo cáo quỹ và các chứng từ cho kế toán. Ngoài phiếu chi, phiếu thu là căn cứ chính để hạch toán vào tài khoản 111 còn cần các chứng từ gốc có liên quan khác kèm vào phiếu thu hoặc phiếu chi như:

Giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, hoá đơn bán hàng, biên lai thu tiền ...

1.3.2.2. Nguyên tắc kế toán

a) Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tại quỹ doanh nghiệp bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ và vàng tiền tệ. Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thực tế nhập, xuất, tồn quỹ. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của doanh nghiệp) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

b) Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của doanh nghiệp.

c) Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người có thẩm quyền cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

d) Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

đ) Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

e) Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo nguyên tắc:

- Bên Nợ TK 1112 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Riêng trường hợp rút ngoại tệ từ ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt thì áp dụng tỷ giá ghi sổ kế toán của TK 1112;

- Bên Có TK 1112 áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Việc xác định tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế được thực hiện theo quy định tại phần hướng dẫn tài khoản 413.

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái và các tài khoản có liên quan.

g) Vàng tiền tệ được phản ánh trong tài khoản này là vàng được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là

hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán. Việc quản lý và sử dụng vàng tiền tệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

h) Tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Vàng tiền tệ được đánh giá lại theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

1.3.2.3. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 111 - Tiền mặt

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ nhập quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, tiền tệ thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam);
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo.

Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ xuất quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thiếu hụt quỹ phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam);
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo.

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn tồn quỹ tiền mặt tại thời điểm báo cáo.

Tài khoản 111 - Tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- Tài khoản 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, chênh lệch tỷ giá và số dư ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- Tài khoản 1113 - Vàng tiền tệ: Phản ánh tình hình biến động và giá trị vàng tiền tệ tại quỹ của doanh nghiệp.

1.3.2.4. Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

a. Các nghiệp vụ thu tiền mặt:

Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ thu ngay bằng tiền mặt, kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

- NV1: Đối với phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế (gián thu) phải nộp này được tách riêng theo từng loại ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- NV2: Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- NV3: Khi nhận được tiền của Ngân sách Nhà nước thanh toán về khoản trợ cấp, trợ giá bằng tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3339).

- NV4: Khi phát sinh các khoản doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác bằng tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (tổng giá thanh toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (giá chưa có thuế GTGT)

Có TK 711 - Thu nhập khác (giá chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- NV5: Rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt; vay dài hạn, ngắn hạn bằng tiền mặt (tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế), ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (1111,1112)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (1121, 1122)

Có TK 341 – Vay và nợ thuê tài chính (3411)

- NV6: Thu hồi các khoản nợ phải thu, cho vay, ký cược, ký quỹ bằng tiền mặt; Nhận ký quỹ, ký cược của các doanh nghiệp khác bằng tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (1111, 1112)

Có các TK 128, 131, 136, 138, 141, 244, 344

- NV7: Khi bán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn thu bằng tiền mặt, kế toán ghi nhận chênh lệch giữa số tiền thu được và giá vốn khoản đầu tư (được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền) vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (1111, 1112)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có TK 121 - Chứng khoán kinh doanh (giá vốn)

Có các TK 221, 222, 228 (giá vốn)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

- NV8: Khi nhận được vốn góp của chủ sở hữu bằng tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Có TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- NV9: Khi nhận tiền của các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân để trang trải cho các hoạt động chung, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác

- NV10: Các khoản thừa quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381).

b. Các nghiệp vụ chi tiền mặt:

- NV1: Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản tại Ngân hàng, ký quỹ, ký cược, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 244 - Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

Có TK 111 - Tiền mặt

- NV2: Xuất quỹ tiền mặt mua chứng khoán, cho vay hoặc đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết..., ghi:

Nợ TK 121, 128, 221, 222, 228

Có TK 111 - Tiền mặt

- NV3: Xuất quỹ tiền mặt mua hàng tồn kho (theo phương pháp kê khai thường xuyên), mua TSCĐ, chi cho hoạt động đầu tư XDCB:

+ Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, kế toán phản ánh giá mua không bao gồm thuế GTGT, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 211, 213, 241

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111 - Tiền mặt

+ Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, kế toán phản ánh giá mua bao gồm cả thuế GTGT.

- NV4: Xuất quỹ tiền mặt mua hàng tồn kho (theo phương pháp kiểm kê định kỳ), nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (6111, 6112)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111 - Tiền mặt

+ Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, kế toán phản ánh giá mua bao gồm cả thuế GTGT

- NV5: + Khi mua nguyên vật liệu thanh toán bằng tiền mặt sử dụng ngay vào sản xuất, kinh doanh, nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 621, 623, 627, 641, 642,...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111 - Tiền mặt.

+ Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, kế toán phản ánh chi phí bao gồm cả thuế GTGT.

- NV6: Xuất quỹ tiền mặt thanh toán các khoản vay, nợ phải trả, ghi:

Nợ các TK 331, 333, 334, 335, 336, 338, 341

Có TK 111 - Tiền mặt.

- NV7: Xuất quỹ tiền mặt sử dụng cho hoạt động tài chính, hoạt động khác, ghi:

Nợ các TK 635, 811,...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 111 - Tiền mặt.

- NV8: Các khoản thiếu quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381)

Có TK 111 - Tiền mặt.

c. Các giao dịch liên quan đến ngoại tệ là tiền mặt.

- NV1: Khi mua hàng hóa, dịch vụ thanh toán bằng tiền mặt là ngoại tệ.

+ Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ các TK 151,152,153,156,211,213,241, 623, 627, 641,642,133,...

(theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (theo tỷ giá ghi sổ kế toán).

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153,156,211,213,241,623, 627, 641, 642,133,...

(theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày giao dịch)

Có TK 111 (1112) (theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá hối đoái).

- NV2: Khi thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ:

+ Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ các TK 331, 335, 336, 338, 341, ... (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (tỷ giá ghi sổ kế toán).

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ các TK 331, 336, 341, ... (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (tỷ giá ghi sổ kế toán).

+ Trường hợp trả trước tiền bằng ngoại tệ cho người bán, bên Nợ tài khoản phải trả áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá thực tế thời điểm trả trước)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (tỷ giá ghi sổ kế toán).

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá hối đoái).

- NV3: Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ là tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 (1112) (tỷ giá giao dịch thực tế)

Có các TK 511, 515, 711,... (tỷ giá giao dịch thực tế).

- NV4: Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

+ Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 111 (1112) (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có các TK 131, 136, 138,... (tỷ giá ghi sổ kế toán).

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 111 (1112) (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày giao dịch)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá hối đoái)

Có các TK 131, 136, 138,... (tỷ giá ghi sổ kế toán).

+ Trường hợp nhận trước tiền của người mua, bên Có tài khoản phải thu áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước, ghi:

Nợ TK 111 (1112) (tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước)

Có TK 131 (tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước).

d. Kế toán sử dụng tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế (là tỷ giá mua của ngân hàng) để đánh giá lại các khoản ngoại tệ là tiền mặt tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, ghi:

- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam, kế toán ghi nhận lãi tỷ giá:

Nợ TK 111 (1112)

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam, kế toán ghi nhận lỗ tỷ giá:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 111 (1112).

- Sau khi bù trừ lãi, lỗ tỷ giá phát sinh do đánh giá lại, kế toán kết chuyển phần chênh lệch lãi, lỗ tỷ giá vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi lớn hơn lỗ) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ nhỏ hơn lãi).

e. Kế toán đánh giá lại vàng tiền tệ:

- Trường hợp giá đánh giá lại vàng tiền tệ phát sinh lãi, kế toán ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính, ghi:

Nợ TK 1113 - Vàng tiền tệ (theo giá mua trong nước)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

- Trường hợp giá đánh giá lại vàng tiền tệ phát sinh lỗ, kế toán ghi nhận chi phí tài chính, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có TK 1113 - Vàng tiền tệ (theo giá mua trong nước).

1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thoả thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng của doanh nghiệp.

1.4.1. Hạch toán tài khoản cần tôn trọng một số quy định sau:

a, Căn cứ để hạch toán trên Tài khoản 112 “Tiền gửi Ngân hàng” là các giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, séc chuyển khoản, séc bảo chi,...).

b, Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “Phải thu khác” (1388) (Nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (Nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của

Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

c, Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

d, Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

đ, Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh (Sau đây gọi tắt là tỷ giá giao dịch BQLNH). Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh.

e, Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh (Kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp SXKD vừa có hoạt động đầu tư XD CB) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (Lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (Lỗ tỷ giá).

f, Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132).

1.4.2. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112 – Tiền Gửi Ngân Hàng

Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào Ngân hàng;
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Bên Có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ Ngân hàng;
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại Ngân hàng.

Tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1121 – Tiền Việt Nam:* Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

- *Tài khoản 1122 – Ngoại tệ:* Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- *Tài khoản 1123 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý:* Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra, và hiện đang gửi tại Ngân hàng.

1.4.3. Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

a. Các nghiệp vụ thu tiền gửi ngân hàng:

- NV1: Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản tại Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 111 – Tiền mặt.

- NV2: Nhận được giấy báo Có của Ngân hàng về số tiền đang chuyển đã vào tài khoản của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 113 – Tiền đang chuyển.

- NV3: Nhận được tiền ứng trước hoặc khi khách hàng trả nợ bằng chuyển khoản, căn cứ giấy báo Có của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.

- NV4: Thu hồi các khoản tiền ký quỹ, ký cược bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 244 – Ký quỹ, ký cược.

- NV5: Nhận vốn góp liên doanh, vốn góp cổ phần do các thành viên góp vốn chuyển đến bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 411 – Vốn kinh doanh chủ sở hữu.

- NV6: Nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 344 – Nhận ký quỹ, ký cược

- NV7: Thu hồi các khoản đầu tư ngắn hạn bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 121 - Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Giá vốn)

Có TK 128 - Đầu tư ngắn hạn khác

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (lãi)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- NV8: Thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thu từ hoạt động tài chính, hoạt động khác bằng chuyển khoản.

+ Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế, khi bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và thu từ các hoạt động khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Giá bán chưa có thuế GTGT)

Có TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính (Khoản thu chưa có thuế GTGT)

Có TK 711 - Thu nhập khác (Thu nhập chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

+ Thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản thu từ hoạt động tài chính, hoạt động khác không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Tổng giá thanh toán)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 – Thu nhập khác.

- NV9: Thu lãi tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

- b. Các nghiệp vụ chi tiền gửi ngân hàng:
- NV1: Rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt, ghi:
 - Nợ TK 111 – Tiền mặt
 - Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng.
 - NV2: Chuyển tiền gửi Ngân hàng đi ký quỹ, ký cược ghi:
 - Nợ TK 244 – Ký quỹ, ký cược
 - Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng.
 - NV3: Chuyển tiền gửi ngân hàng đi đầu tư tài chính ngắn hạn, ghi:
 - Nợ TK 121 - Chứng khoán kinh doanh
 - Nợ TK 128 - Đầu tư ngắn hạn khác
 - Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng.
 - NV4: Trả tiền mua vật tư, công cụ, hàng hóa về dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ bằng chuyển khoản, ủy nhiệm chi hoặc séc:
 - + Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, khi phát sinh, ghi:
 - Nợ TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu
 - Nợ TK 153 – Công cụ, dụng cụ
 - Nợ TK 156 – Hàng hóa
 - Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)
 - Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng.
 - + Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, khi phát sinh, ghi:
 - Nợ TK 611 – Mua hàng
 - Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)
 - Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng.
 - NV5: Trả tiền mua TSCĐ, BĐS đầu tư, đầu tư dài hạn, chi phí đầu tư XDCB phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ bằng chuyển khoản, ghi:
 - Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình
 - Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình
 - Nợ TK 217 - Bất động sản đầu tư
 - Nợ TK 221 - Đầu tư vào công ty con
 - Nợ TK 222 - Vốn góp liên doanh, liên kết

Nợ TK 228 - Đầu tư dài hạn khác

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332 - nếu có),...

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

- NV6: Thanh toán các khoản nợ phải trả bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nợ TK 336 - Phải trả nội bộ

Nợ TK 338 - Phải trả, phải nộp khác

Nợ TK 341 - Vay và nợ thuê tài chính.

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

1.5. Hình thức sổ kế toán:

Thực hiện ghi chép vào sổ sách kế toán là công việc có khối lượng rất lớn và phải thực hiện thường xuyên, hàng ngày. Do đó, cần phải tổ chức một cách khoa học, hợp lý hệ thống kế toán mới có thể tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động của nhân viên kế toán, đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời các chỉ tiêu kinh tế theo yêu cầu của công tác quản lý tại doanh nghiệp hoặc các báo cáo kế toán gửi cho cấp trên hay tại cơ quan nhà nước.

Hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.

Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.

Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán.

Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán.

Hiện nay, theo chế độ quy định có 4 hình thức tổ chức sổ kế toán:

- Nhật ký- sổ cái.

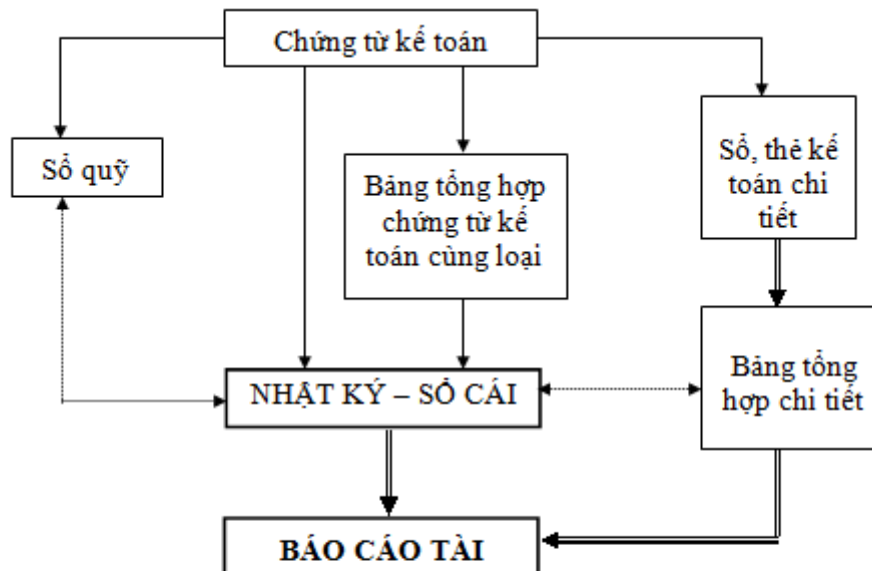
- Nhật ký chung.

- Nhật ký chứng từ.

- Chứng từ ghi sổ.

- Kế toán máy

Mỗi hình thức đều có ưu nhược điểm riêng và chỉ thực sự phát huy tác dụng trong những điều kiện thích hợp.

1.5.1. Hình thức nhật ký- sổ cái:**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối tháng	⇒
Đối chiếu, kiểm tra	↔

Đặc điểm chủ yếu: Hình thức sổ kế toán Nhật ký- Sổ cái có đặc điểm chủ yếu là mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi sổ theo thứ tự thời gian kết hợp với việc phân loại theo hệ thống vào sổ Nhật ký- Sổ cái.

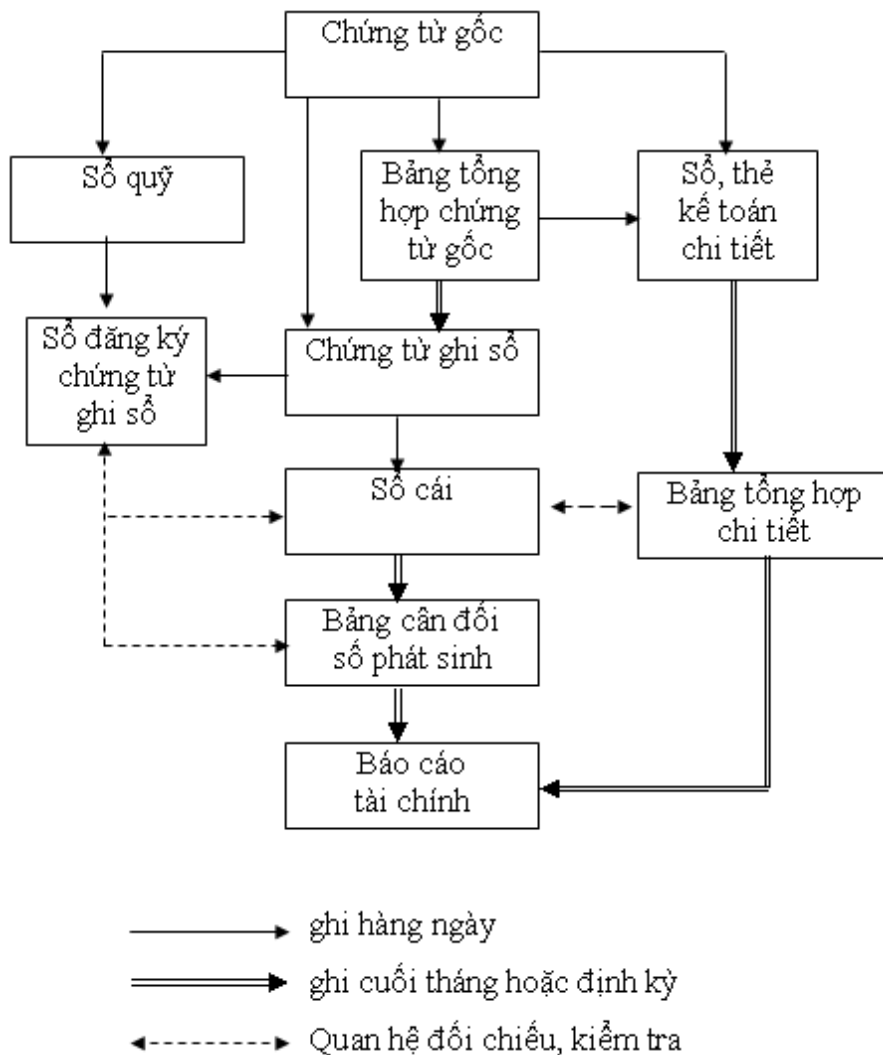
Hệ thống sổ bao gồm:

Sổ kế toán tổng hợp: sử dụng duy nhất một sổ là sổ Nhật ký- sổ cái.

Sổ kế toán chi tiết: bao gồm sổ chi tiết TSCĐ, vật liệu thành phẩm tùy thuộc vào đặc điểm yêu cầu quản lý đối với từng đối tượng cần hạch toán chi tiết mà kết cấu, mỗi sổ kế toán chi tiết ở mỗi doanh nghiệp đều có thể khác nhau.

*** Ưu, nhược điểm và phạm vi sử dụng:**

- Ưu điểm: Dễ ghi chép, dễ đối chiếu kiểm tra số liệu.
- Nhược điểm: Khó phân công lao động, khó áp dụng phương tiện kỹ thuật tính toán, đặc biệt nếu doanh nghiệp sử dụng nhiều tài khoản, khối lượng phát sinh lớn thì Nhật ký- sổ cái sẽ công kênh, phức tạp.
- Phạm vi sử dụng: Trong các doanh nghiệp quy mô nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít và sử dụng ít tài khoản như các doanh nghiệp tư nhân quy mô nhỏ.

1.5.2. Hình thức “chứng từ ghi sổ”

Đặc điểm chủ yếu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được phân loại để lập chứng từ ghi sổ trước khi ghi vào sổ kế toán tổng hợp. Trong hình thức này việc ghi sổ kế toán theo thứ tự thời gian tách rời với việc ghi sổ kế toán theo hệ thống trên 2 loại sổ kế toán tổng hợp khác nhau là sổ đăng ký CT- GS và sổ cái các tài khoản.

Hệ thống sổ kế toán:

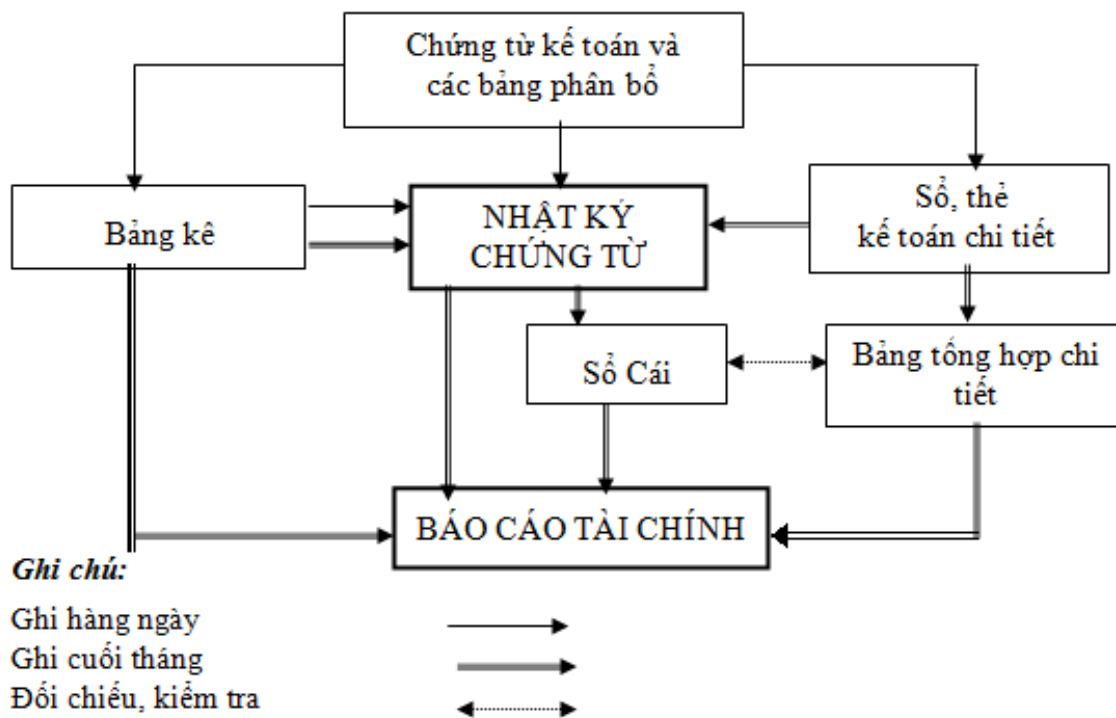
- Sổ kế toán tổng hợp: Gồm sổ đăng ký CT- GS và sổ cái các tài khoản.
- Sổ kế toán chi tiết: Tương tự trong NK- SC.

*** Ưu nhược điểm và phạm vi sử dụng:**

- Ưu điểm: Dễ ghi chép do mẫu sổ đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu, thuận tiện cho việc phân công công tác và cơ giới hoá công tác kế toán.
- Nhược điểm: Ghi chép còn trùng lặp, việc kiểm tra đối chiếu thường bị chậm.
- Phạm vi sử dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

1.5.3. Hình thức Nhật ký- chứng từ:

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ - CHỨNG TỪ



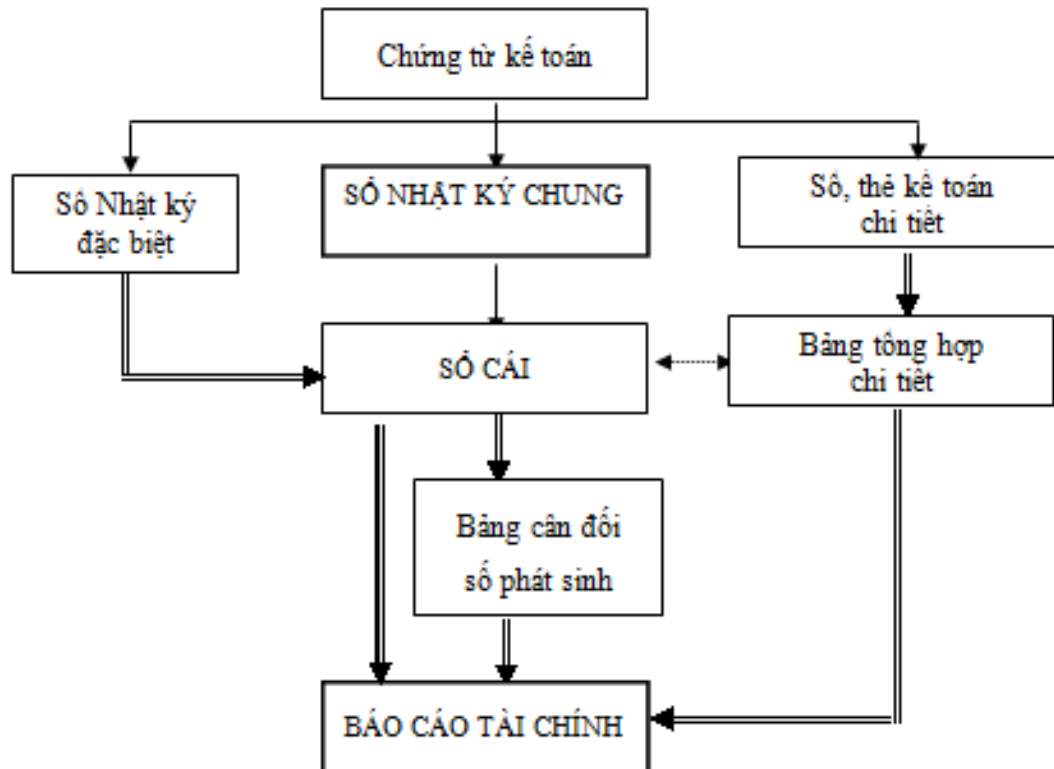
Đặc điểm chủ yếu: Kết hợp giữa việc ghi chép theo thứ tự thời gian với việc ghi sổ theo hệ thống, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, giữa việc ghi chép hàng ngày với việc tổng hợp số liệu báo cáo cuối tháng.

Hệ thống sổ kế toán:

- Sổ kế toán tổng hợp: Các nhật ký chứng từ, các bảng kê.
- Sổ kế toán chi tiết: Ngoài các sổ kế toán chi tiết sử dụng như trong hai hình thức trên (CT- GS và NK- SC) còn sử dụng các bảng phân bổ.

*** Ưu nhược, điểm và phạm vi sử dụng:**

- Ưu điểm: Giảm bớt khối lượng ghi chép, cung cấp thông tin kịp thời thuận tiện cho việc phân công công tác.
- Nhược điểm: Kết cấu sổ phức tạp, không thuận tiện cho cơ giới hoá
- Phạm vi sử dụng: ở các doanh nghiệp có quy mô lớn, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, trình độ nghiệp vụ của kế toán vững vàng.

1.5.4. Hình thức Nhật ký chung:**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

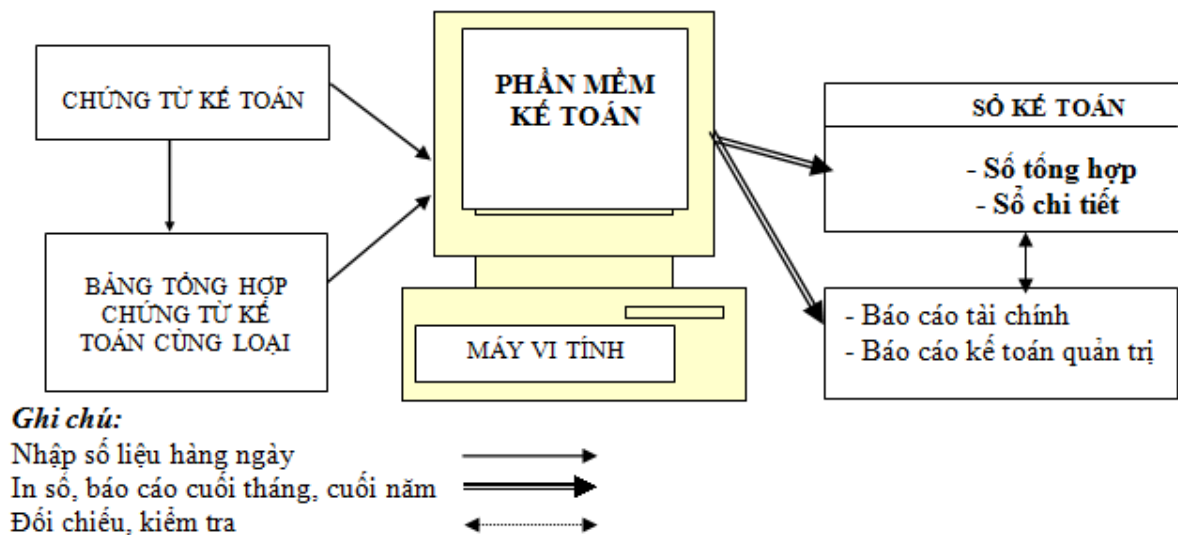
Đặc điểm chủ yếu: Các nghiệp vụ kinh tế được phát sinh vào chứng từ gốc để ghi sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian và nội dung nghiệp vụ kinh tế phản ánh đúng mối quan hệ khách quan giữa các đối tượng kế toán (quan hệ đối ứng giữa các tài khoản) rồi ghi vào sổ cái.

Hệ thống sổ:

- Sổ kế toán tổng hợp: Sổ nhật ký chung, các sổ nhật ký chuyên dùng, sổ cái các tài khoản (111, 112, 113)
- Sổ kế toán chi tiết: Tương tự như các hình thức trên.

1.5.5. Hình thức kế toán máy

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



- Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn cần thiết phải giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

- Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính :

+ Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

+ Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Chương 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ

2.1. Đặc điểm tình hình chung

- Quá trình hình thành và phát triển

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ
- Tên giao dịch : SAO DO INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
- Địa chỉ : Km 1+400 Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, TP Hải Phòng
- Mã số thuế : 0200457259
- Vốn điều lệ : 300.000.000.000
- Số điện thoại : 02253814866
- Người đại diện pháp lý : Trần Văn Thắng
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty cổ phần
- Quy mô : Doanh nghiệp lớn

Công Ty Cổ Phần Đầu tư Sao Đỏ chính thức đi vào hoạt động từ ngày 13 tháng 3 năm 2002 với tên sơ khai là Công ty TNHH Thương mại Sao Đỏ, theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0202000620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp lần đầu với số vốn điều lệ là 5.400.000.000.

Là doanh nghiệp mới thành lập, ban lãnh đạo công ty đã ý thức được tầm quan trọng trong nhận thức về nâng cao hiệu quả kinh tế và chất lượng tăng trưởng. Ngày 01 tháng 04 năm 2004, Công ty TNHH Thương Mại Sao Đỏ đăng ký lại giấy phép kinh doanh để nâng tổng số vốn điều lệ lên 38.000.000.000 (Ba mươi tám tỷ đồng) đồng thời cũng nâng số thành viên góp vốn Công ty lên 10 người.

Công ty là chủ đầu tư của các dự án lớn ở Hải Phòng như:

- Dự án xây dựng Khu nhà ở Anh Dũng II tại xã Anh Dũng, huyện Kiến Thụy.
- Dự án xây dựng nhà ở để bán theo cơ chế kinh doanh tại xã Anh Dũng, huyện Kiến Thụy.

Hai dự án nói trên với diện tích 17ha nằm tiếp giáp với nội thành và các khu quy hoạch chức năng Cầu Rào II, các khu đô thị mới, bệnh viện, khu vui chơi, giải trí của Thành phố. Đây là dự án được đánh giá là triển khai nhanh nhất trong các dự án phát triển nhà của Thành phố cả về tiến độ và chất lượng. Đồng thời, công ty còn đoạt huy chương vàng giải thưởng Dự án có quy hoạch đẹp và Công trình kiến trúc đẹp tại Hội chợ triển lãm Bất động sản Hải Phòng lần thứ nhất vào năm 2004.

Ngày 22 tháng 10 năm 2004, để mở rộng ngành nghề kinh doanh công ty đã thay đổi lại giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ hai để kinh doanh thêm các lĩnh vực:

- Giao dịch, đầu tư và kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa hành khách đường thủy, đường bộ.

Đầu năm 2005, công ty chính thức khánh thành và đưa vào hoạt động Trung tâm Giao dịch Bất động sản Sao Đỏ tại trụ sở công ty với các chức năng:

- Giới thiệu, quảng bá quy hoạch tổng thể và chi tiết Thành phố Hải Phòng, giới thiệu địa điểm, tư vấn đầu tư, thẩm định tính pháp lý và giá trị bất động sản.
- Mua bán trực tiếp hoặc ủy thác các loại hình bất động sản, môi giới mua bán, cho thuê các loại hình bất động sản.
- Tổ chức đấu giá bất động sản, dịch vụ vay vốn, đăng ký quyền sử dụng đất.

Đây là sản giao dịch bất động sản tiên phong tại Hải Phòng nhằm đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi bất động sản. Với phương châm “Thành công của nhà đầu tư thứ cấp là thành công của Sao Đỏ” vì lợi ích thiết thực của khách hàng, doanh nghiệp và Nhà nước được đảm bảo cân đối hài hòa, Trung tâm góp phần đưa thị trường Bất động sản của Thành phố hoạt động mạnh mẽ.

Ngày 05 tháng 09 năm 2005, tại địa chỉ Km1+800 đường Phạm Văn Đồng, Hải Phòng, công ty đã đưa Trạm xăng dầu và cửa hàng giới thiệu sản phẩm chính thức hoạt động. Công trình này được đánh giá là có kiến trúc hiện đại, độc đáo nhất miền Bắc và thu hút được lượng khách hàng đáng kể có nhu cầu về xăng dầu, khí đốt như các cơ quan xí nghiệp, các cá nhân.

Cuối năm năm 2005, Công ty quyết định chuyển đổi loại hình công ty nhằm đưa công ty phát triển theo một mô hình mới: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ., nhằm tạo một diện mạo mới cho Công ty, đưa Công ty phát triển vững mạnh thêm một bước, bắt kịp tốc độ Hiện đại hóa – Đô thị hóa Thành Phố.

Công ty đã tạo được công ăn việc làm ổn định cho hơn 100 cán bộ công nhân viên và lao động thường xuyên cùng hàng trăm lao động thời vụ. Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước là 50 tỷ đồng, tham gia hưởng ứng công tác xã hội từ thiện gần 300 triệu đồng và xây dựng được gần 10 ngôi nhà tình nghĩa. Cái được lớn nhất của Sao Đỏ là tạo dựng cho Thành phố những ngôi nhà có chất lượng cao, đẹp về kiểu dáng và mẫu mã, góp phần thay đổi diện mạo Thành phố Hải Phòng – Đô thị loại I cấp quốc gia.

Tám năm hoạt động không phải là nhiều đối với một doanh nghiệp nhưng những bước đột phá trên con đường phát triển của công ty đã khẳng định được thương hiệu Sao Đỏ trong con mắt của khách hàng và các doanh nghiệp bạn để tạo dựng một nền tảng vững bền về chất lượng, uy tín và để trở thành một tập đoàn vững mạnh trong tương lai.

2.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

Ngành nghề chính của công ty:

- Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu nhà ở, văn phòng, khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu thương mại.
- Tư vấn và môi giới kinh doanh bất động sản.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Kinh doanh dịch vụ nhận ký gởi, ủy thác các loại vật tư, máy móc thiết bị và hàng tiêu dùng.
- Kinh doanh xăng dầu chất đốt.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa và hành khách đường thủy, đường bộ.
- Dịch vụ xuất nhập khẩu.

2.3. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.

Trong quá trình hoạt động của mình công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

* Thuận lợi:

- Đội ngũ nhân viên trẻ tuổi, năng động, nhiệt huyết, luôn nỗ lực hết mình vì công việc và đặc biệt là tinh thần trách nhiệm rất cao, có tinh thần và kỹ năng làm việc tốt.
- Môi trường làm việc văn minh, lành mạnh và chuyên nghiệp.
- Cơ sở vật chất tốt.
- Bộ máy quản lý chuyên nghiệp, nhất quán, dễ dàng kiểm tra, kiểm soát.

* Khó khăn:

- Đội ngũ nhân viên còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nên ban đầu còn gặp nhiều vướng mắc.

- Nhiều đối thủ cạnh tranh trên thị trường.

2.4. Những kết quả cơ bản mà công ty đạt được trong những năm gần đây

- Quá trình hình thành và phát triển của công ty đã có được kết quả nhất định trong quản lý và kinh doanh. Công tác điều tra và nghiên cứu thị trường luôn luôn được coi trọng và cải tiến không ngừng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

- Nâng cấp phương tiện đáp ứng nhu cầu khách hàng.

- Ngoài những điều đã nêu thì doanh thu hàng năm của công ty ngày càng tăng cũng thể hiện rõ những nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ quản lý và nhân viên trong công ty.

Thể hiện báo cáo qua các năm:

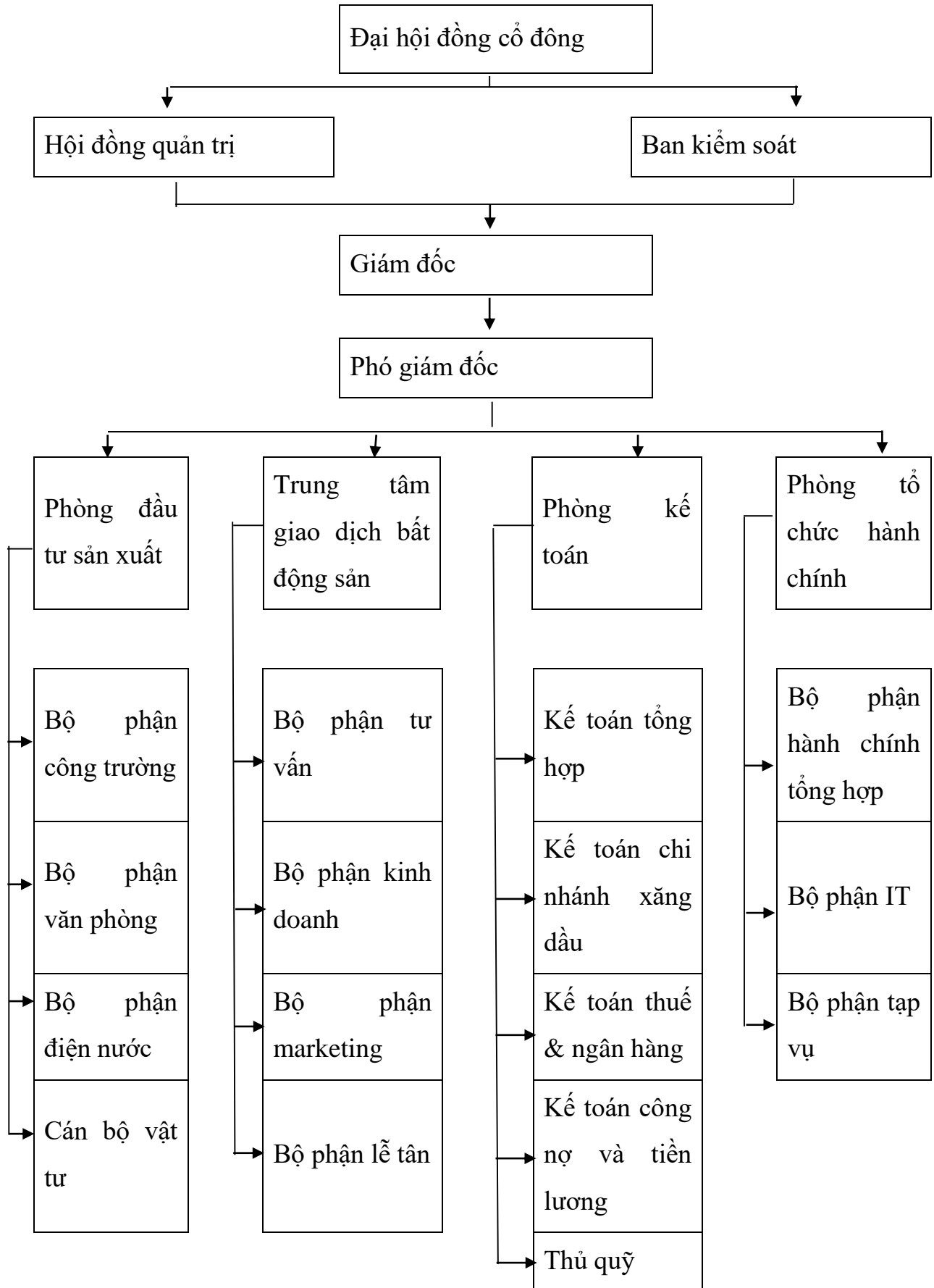
CHỈ TIÊU	NĂM 2016	NĂM 2015	CHÊNH LỆCH	
			SỐ TIỀN	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.387.036.187	12.111.255.046	21.275.781.141	64%
2. Giá vốn hàng bán	18.465.153.248	7.644.966.323	10.820.186.925	59%
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	934.812.137	204.537.358	730.274.779	78%
4. Chi phí thuế TNDN hiện hành	186.962.427	0		
5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	747.849.710	204.537.358	543.312.352	73%
6. Thu nhập bình quân đầu người	5.500.000đ/tháng	5.000.000đ/tháng	500.000đ/tháng	9%

Nhận xét: Nhìn vào bảng thống kê các chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua hai năm 2015, 2016 ta nhận thấy:

- Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 tăng so với 2015 là 21.275.781.141 tương ứng 64%, điều này thể hiện tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có chiều hướng phát triển tốt, do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường năm 2016 có nhiều chuyển biến tốt cho ngành xây dựng.

- Do doanh thu tăng nên tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng lên và trong năm 2016 doanh nghiệp mới thu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính, năm 2015 chỉ tiêu Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bằng không là do doanh nghiệp không thu được lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường. Mà lợi nhuận thu được là từ các hoạt động khác.
- Chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người của lao động trong doanh nghiệp năm 2016 so với 2015 cũng tăng lên.

2.5. Mô hình tổ chức bộ máy của công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Chức năng của từng phòng ban

Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các thành viên góp vốn vào Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề liên quan đến Công ty tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường tuy nhiên không làm giới hạn các quyền của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị: có nhiệm kỳ tối đa là 5 năm và có thể được bầu lại tại Đại hội cổ đông tiếp theo. Đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị - người quyết định các hoạt động của Công ty về đường lối, chính sách vĩ mô, tổ chức, kế hoạch, quản lý kinh tế, phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty.

Ban kiểm soát: do Đại hội cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt các cổ đông trong Công ty để kiểm tra các báo cáo tài chính hàng tháng, hàng quý, hàng năm của Công ty trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông.

Giám đốc công ty: là đại diện theo pháp luật của Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người đứng đầu Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và các cơ quan hữu quan về bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện theo phương án sản xuất, kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và thông qua và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phó giám đốc: do giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người giúp việc cho Giám đốc. Phó giám đốc là người hoạch định chiến lược, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

Các trưởng phòng: được bổ nhiệm theo đề nghị của giám đốc và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

Phòng đầu tư sản xuất: phòng nghiệp vụ có chức năng lưu giữ các thiết kế kiến trúc và các văn bản điều chỉnh thiết kế kiến trúc, giám sát quá trình thi công của các công trình mà Công ty đầu tư và xây dựng.

Trung tâm giao dịch bất động sản: có chức năng giới thiệu quảng bá quy hoạch tổng thể; thẩm định tính pháp lý và giá trị của bất động sản; giới thiệu địa điểm, tư vấn đầu tư; mua bán trực tiếp hoặc ủy thác các loại hình bất động sản; tổ chức đấu giá bất động sản; cung cấp dịch vụ vay vốn đăng ký quyền sử dụng đất. Đứng đầu trung tâm giao dịch là Giám đốc trung tâm.

Phòng tài chính kế toán có các chức vụ như sau:

- Phản ánh với giám đốc tất cả các hoạt động của đơn vị gồm tài sản, vật tư hàng hóa, tiền vốn dưới hình thái tiền tệ.

- Căn cứ vào nhu cầu đầu tư sản xuất kinh doanh, xây dựng kế hoạch vốn cho đầu tư sản xuất. Nghiên cứu các biện pháp đáp ứng vốn kịp thời cho đầu tư sản xuất bao gồm vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

- Tổ chức phân tích hoạt động kinh tế của từng bộ phận trong năm thực hiện qua đó đề xuất biện pháp quản lý hợp lý và kịp thời giúp ban lãnh đạo của Công ty có được những quyết định chính xác trong quá trình sản xuất

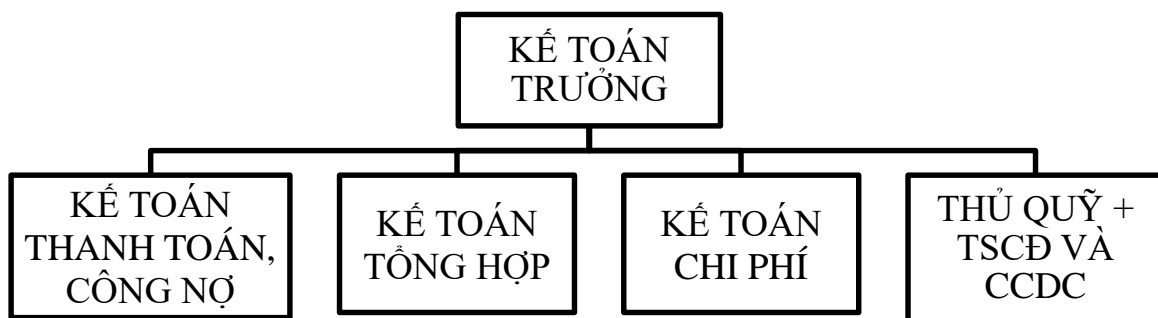
Phòng tổ chức hành chính: có chức năng tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị, quản lý điều hành việc tổ chức cán bộ, lao động tiền lương và công việc hành chính.

2.6. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty đầu tư Sao Đỏ

2.6.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Ta có mô hình kế toán của công ty như sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

2.6.2 Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán.

- **Kế toán trưởng**

Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đơn độc,

giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành

- **Kế toán thanh toán, công nợ**

Theo dõi công nợ các hợp đồng mua bán nhà đất, thanh toán cho các nhà cung cấp vật liệu và các khoản chi phí quản lý khác.

- **Kế toán tổng hợp**

- Có chức năng tổng hợp các dữ liệu mà kế toán phân hành và thủ quỹ đưa lên.

- Theo dõi đầy đủ số tài sản hiện có, tình hình biến động vốn, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tình hình tăng giảm tài sản cố định, các chi phí phát sinh trong doanh nghiệp.

- Phát hiện, kiểm tra lại nhưng thiếu sót của cấp dưới trước khi báo cáo lên kế toán trưởng.

- **Kế toán chi phí**

- Tập hợp chi phí vật liệu, nhân công, chi phí sản xuất chung để tính giá thành từng công trình. **Thủ quỹ + tài sản cố định, công cụ dụng cụ**

- Tiến hành thu, chi tại doanh nghiệp, cuối ngày lập báo cáo quỹ, theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến TSCĐ và CCDC.

2.6.3. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

2.6.3.1. Hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán: theo hình thức Nhật ký chung

- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ đang áp dụng: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

- Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp nhập trước xuất trước

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

2.6.3.2. Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán **Nhật ký chung**.

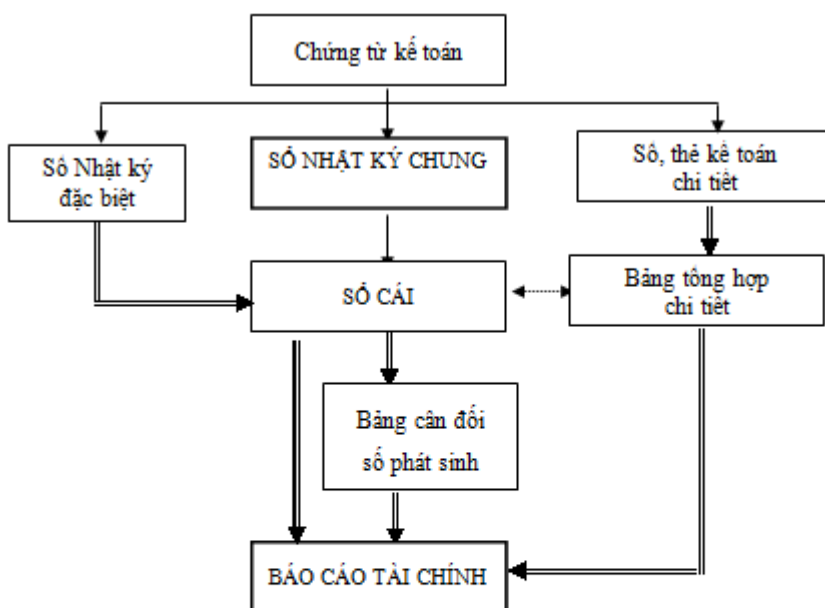
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của

nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

- Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung.

2.7. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ

2.7.1. Kế toán tiền mặt

Tiền mặt của công ty: chủ yếu là tiền Việt Nam đồng

a. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Các chứng từ liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng

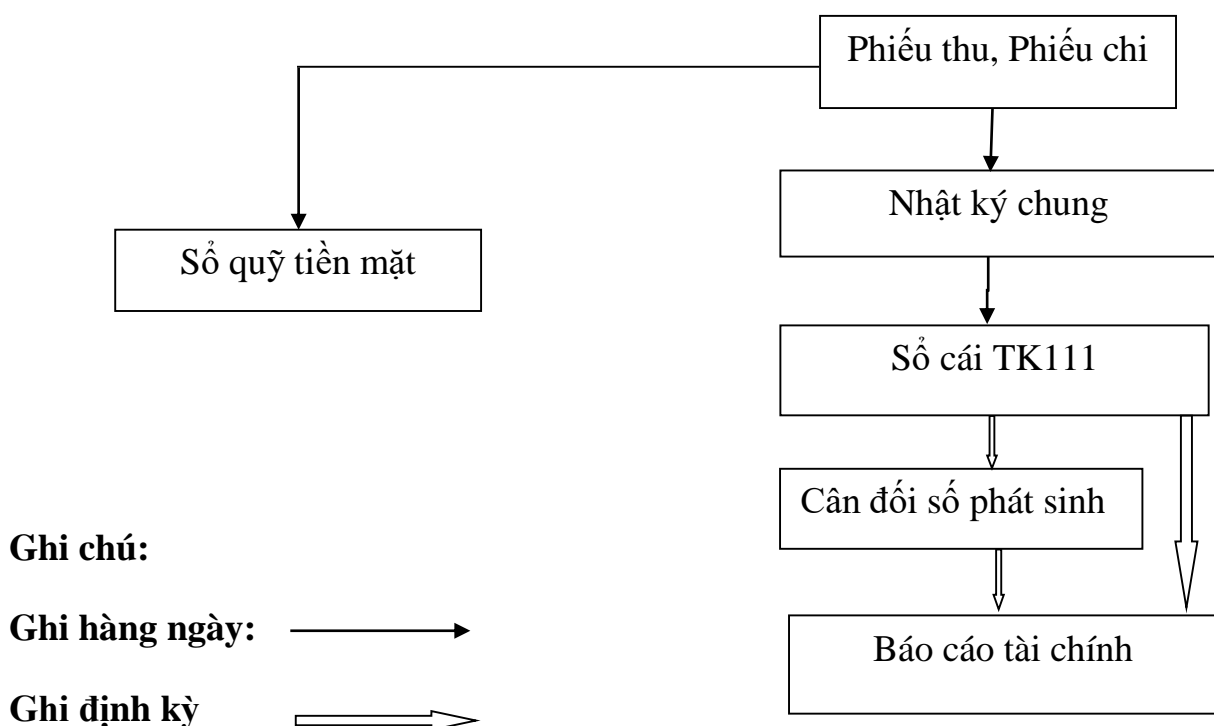
111 - Tiền mặt Việt Nam đồng

c. Sổ sách kế toán:

- Sổ quỹ tiền mặt
- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 111

Các sổ sách có liên quan khác

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại công ty Cổ phần đầu tư Sao Đỏ



Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 11/8/2016 Công ty thanh toán tiền điện thoại bàn cho Viettel Hải Phòng - Chi nhánh Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội bằng tiền mặt 607.321 đồng (bao gồm thuế VAT 10%).

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 3311057 nhận được, kế toán vốn bằng tiền kiểm tra lại hóa đơn, và tiến hành lập phiếu chi tiền mặt số 313. (biểu số 2)
- Kế toán vốn bằng tiền kiểm tra lại Phiếu chi 313, ký vào phần người lập, xin duyệt chi, chuyển phiếu chi cho thủ quỹ thực hiện chi tiền.
- Căn cứ vào Phiếu chi tiến hành định khoản kế toán, ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 8), từ Nhật ký chung vào sổ Cái TK111 (biểu số 9).

ĐK:

Nợ TK 642: 552.110

Nợ TK 133: 55.211

Có TK 111: 607.321

Biểu số 1. Hóa đơn GTGT số 3311057

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) <i>BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ</i>						Mã số: 01GTKT0/007
						Ký hiệu: AR/16E
						Số: 3311057
						Ngày lập: 11/8/2016
TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI Số 1 đường Trần Hữu Dực, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam						
Mã số thuế: 0100109106						
Đơn vị thu: Viettel Hải Phòng - Chi nhánh Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội						
Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ					Mã số thuế: 0200457259	
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ						
Địa chỉ: Km1+400, đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng						
Số thuê bao: Đại diện (3620261)					Kỳ cước: Tháng 07/2016	
Số hợp đồng: DLLC1598074					Hình thức thanh toán: TM/CK	
STT	DIỄN GIẢI	SỐ LƯỢNG TB	TIỀN DỊCH VỤ	THUẾ SUẤT (%)	TIỀN THUẾ	CỘNG
a	b	c	1	2	3=1x2	4=1+3
1	DV Homphone	01	552.110	10	55.211	607.321
CỘNG		01	552.110	10	55.211	607.321
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN						
SỐ TIỀN VIẾT BẰNG CHỮ: Sáu trăm linh bảy nghìn ba trăm hai mươi một đồng.						

Biểu số 2: Phiếu chi 313

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ

PHIẾU CHI

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: Km1+400, đường Phạm Văn Đồng,
phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành
phố Hải Phòng

Ngày 11 tháng 8 năm 2016

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Số: PC 313

Nợ TK 642: 552.110

Nợ TK 133: 55.211

Có TK111:607.321

Họ và tên người nhận tiền: Viettel Hải Phòng - Chi nhánh Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội

Địa chỉ : Số 1 đường Trần Hữu Dực, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Lý do chi: Trả tiền cước điện thoại tháng 7/2016

Số tiền: 607.321 đồng

(Viết bằng chữ): Sáu trăm linh bảy nghìn ba trăm hai mươi một đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc: HĐ3311057

Ngày 11 tháng 8 năm 2016

Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Ví dụ 2: Ngày 16/08/2016 Ông Nguyễn Văn Cung – Phòng kế hoạch và đầu tư tạm ứng tiền mua vật tư với số tiền là 15.000.000 đồng.

- Căn cứ vào Giấy đề nghị tạm ứng (biểu số 3) đã được duyệt, kế toán vốn bằng tiền lập Phiếu chi số 314 tạm ứng cho ông Cung (biểu số 4).
- Kế toán vốn bằng tiền kiểm tra lại Phiếu chi 314, ký vào phần người lập, xin duyệt chi, chuyển phiếu chi cho thủ quỹ thực hiện chi tiền.
- Căn cứ vào Phiếu chi tiến hành định khoản kế toán, ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 8), từ Nhật ký chung vào sổ Cái TK111 (biểu số 9).

ĐK:

Nợ TK 141: 15.000.000

Có TK 111: 15.000.000

Biểu số 3: Giấy đề nghị tạm ứng

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- o o o -----		
GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG			
<i>Ngày 16 tháng 8 năm 2016</i>			
Tên tôi là	: Nguyễn Văn Cung		
Thuộc bộ phận	: Phòng kế hoạch và đầu tư		
Số tiền đề nghị tạm ứng	: 15.000.000		
<i>Bằng chữ</i>	: <i>Mười năm triệu đồng chẵn.</i>		
Lý do tạm ứng	: Tạm ứng tiền mua vật tư		
Số duyệt tạm ứng	: 15.000.000		
<i>Bằng chữ</i>	: <i>Mười năm triệu đồng chẵn.</i>		
Thời hạn thanh toán	:		
	:		
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ	PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN	KẾ TOÁN	TỔNG GIÁM ĐỐC

Biểu số 4: Phiếu chi 314

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ		PHIẾU CHI		Mẫu số 02-TT	
Địa chỉ: Km1+400, đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng		Ngày 16 tháng 8 năm 2016		(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)	
		Số: PC 314			
		Nợ TK 141: 15.000.000			
		Có TK111:15.000.000			
Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Cung					
Địa chỉ : Phòng kế hoạch và đầu tư					
Lý do chi: Tạm ứng tiền mua vật tư					
Số tiền: 15.000.000 đồng					
(Viết bằng chữ): Mười năm triệu đồng chẵn.					
Kèm theo: 01 biểu số 3: giấy đề nghị tạm ứng.					
Ngày 16 tháng 8 năm 2016					
Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Giám đốc (ký, họ tên)	
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười năm triệu đồng chẵn.					

Ví dụ 3: Ngày 18/8/2016 Phiếu thu số 230 thu tiền san lấp mặt bằng Khu dân cư tái định cư Anh Dũng, Dương Kinh của công ty Ngọc Hà tháng 7 số tiền là: 18.000.000 đ.

- Kế toán vốn bằng tiền tiến hành lập phiếu thu số 230. (biểu số 5)
- Kế toán vốn bằng tiền kiểm tra lại Phiếu thu 230, ký vào phần người lập.
- Căn cứ vào Phiếu thu tiến hành định khoản kế toán, ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 8), từ Nhật ký chung vào sổ Cái TK111 (biểu số 9).

ĐK:

Nợ TK111: 18.000.000

Có TK131: 18.000.000

Biểu số 5 :Phiếu thu 230

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ		Mẫu số: 01 - TT		
Địa chỉ: Km1+400, đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng		(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
		Quyển số:		
PHIẾU THU		Số: PT230		
Ngày 18/8/2016		Nợ 111: 18.000.000		
		Có 131: 18.000.000		
Họ và tên người nộp tiền: Đinh Văn Thái				
Địa chỉ: Đầu tư sản xuất				
Lý do nộp: Thu tiền san lấp mặt bằng khu tái định cư Anh Dũng				
Số tiền: 18.000.000 đồng				
(Viết bằng chữ): Mười tám triệu đồng chẵn.				
Kèm theo:				
Ngày 18 tháng 8 năm 2016				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười tám triệu đồng chẵn.				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):				
+ Số tiền quy đổi:				

Ví dụ 4: Ngày 30/8/2016 rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt số tiền là 60.000.000 đồng, theo giấy Báo Nợ số 810 ngày 30/08/2016.


- Căn cứ vào Giấy Báo Nợ số 810 (biểu số 6) , kế toán lập phiếu thu số 231 (biểu số 7).
- Kế toán vốn bằng tiền kiểm tra lại Phiếu thu 231, ký vào phần người lập.
- Căn cứ vào Phiếu thu tiến hành định khoản kế toán, ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 8), từ Nhật ký chung vào sổ Cái TK111 (biểu số 9).

ĐK:

Nợ TK 111: 60.000.000

Có TK 112: 60.000.000

Biểu số 6 : Giấy Báo Nợ số 810

	GIẤY BÁO NỢ CREDIT ADVICE	Số (Seq, No):	810
		Ngày (Date):	30/8/2016
		Giờ (Time):	03:15:11.PM
Chi nhánh (Branch name): CN HẢI PHÒNG			
Mã số thuế (Branch VAT code):			
Mã số khách hàng: 000812339		Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ	
Chew No			
Số TK/ Tên TK: 32110000633335		Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ	
A/C No/ A/C Name			
Mã giao dịch: CASD - NỘP TIỀN MẶT			
Tran type			
Nội dung: Rút tiền mặt			
Số tiền bằng chữ: Credit amount in words Sáu mươi triệu đồng chẵn./	Số tiền (Credit amount in figures & ccy code): 60.000.000 VNĐ		
	Số dư (Ledge Balance & ccy):		
GIAO DỊCH VIÊN/ VN NGHIỆP VỤ User ID TTPOANNHBT		KIỂM SOÁT Supervisor ID DTMTHUBT	

Biểu số7: Phiếu thu số 231

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ		Mẫu số: 01 - TT		
Địa chỉ: Km1+400, đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng		(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
PHIẾU THU		Quyền số:		
		Số: PT231		
Ngày 30/8/2016		Nợ 111: 60.000.000		
		Có 112: 60.000.000		
Họ và tên người nộp tiền: Vũ Diệu Huyền				
Địa chỉ: Phòng kế toán				
Lý do nộp: Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.				
Số tiền: 60.000.000 đồng				
(Viết bằng chữ): Sáu mươi triệu đồng chẵn.				
Kèm theo: 01 biểu số 6: giấy báo nợ số 810.				
Ngày 30 tháng 8 năm 2016				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu mươi triệu đồng chẵn.				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):				
+ Số tiền quy đổi:				

• **Kế toán tổng hợp:**

Căn cứ vào các chứng từ Phiếu thu, phiếu chi kế toán thực hiện ghi vào sổ Nhật ký chung .

Biểu số 8: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ

Địa chỉ: Km1+400, đường Phạm Văn Đồng,

Phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, HP

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014
của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng			NỢ	CÓ
.....
11/8	PC313	11/8	Trả tiền cước điện thoại cho Viettel	642	552.110	
				133	55.211	
				111		607.321
.....
16/8	PC314	16/8	Tạm ứng tiền mua vật tư	141	15.000.000	
				111		15.000.000
.....
18/8	PT230	18/8	Thu tiền san lấp mặt bằng khu tái định cư Anh Dũng tháng 7/2016	111	18.000.000	
				131		18.000.000
.....
30/8	PT231	30/8	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	111	60.000.000	
				112		60.000.000
...
			Cộng phát sinh		449.125.649.605	449.125.649.605

- Sổ này có....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 9: Trích Sổ cái tiền mặt năm 2016**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ**Mẫu số:** S03b-DN**Địa chỉ:** Km1+400, đường Phạm Văn Đồng,

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-

Phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, HP

BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm:2016

Tên tài khoản 111: Tiền mặt

Đơn vị : Đồng

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		68.718.620	
.....
11/8	PC313	11/8	Trả tiền cước điện thoại cho Viettel	642		552.110
				133		55.211
.....
16/8	PC314	16/8	Tạm ứng tiền mua vật tư	141		15.000.000
.....
18/8	PT230	18/8	Thu tiền san lấp mặt bằng khu tái định cư Anh Dũng tháng 7/2016	131	18.000.000	
.....
30/8	PT231	30/8	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	112	60.000.000	
.....
			Cộng số phát sinh		506.584.866	570.071.491
			Số dư cuối kỳ		5.231.995	

- Sổ này có....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 10: Trích sổ quỹ tiền mặt**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ**Địa chỉ:** Km1+400, đường Phạm Văn Đồng, Phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, HP**Mẫu số:**S07-DN**SỔ QUỸ TIỀN MẶT**

Năm 2016

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014
của Bộ Tài Chính)

NTGS	NTCT	SHCT		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
				Số tồn đầu kỳ			68.718.620
.....
11/8	PC313		11/8	Trả tiền cước điện thoại cho Viettel		607.321	68.111.299
16/8	PC314		16/8	Tạm ứng tiền mua vật tư		15.000.000	53.111.299
18/8	PT230	18/8		Thu tiền san lấp mặt bằng khu tái định cư Anh Dũng tháng 7/2016	18.000.000		71.111.299
30/8	PT231	30/8		Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	60.000.000		131.111.299
...
				Cộng phát sinh	506.584.866	570.071.491	
				Số tồn cuối kỳ			5.231.995

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(ký, ghi rõ họ tên)

2.7.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng

Công ty mở tài khoản tại ngân hàng: Chi tiết

- Ngân hàng Đầu tư và phát triển BIDV – PGD Lạch Tray
- Ngân hàng SHB – PGD Lạch Tray

a. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có, Giấy báo nợ
- Lệnh chuyển có

b. Tài khoản sử dụng:

TK112: Tiền gửi ngân hàng

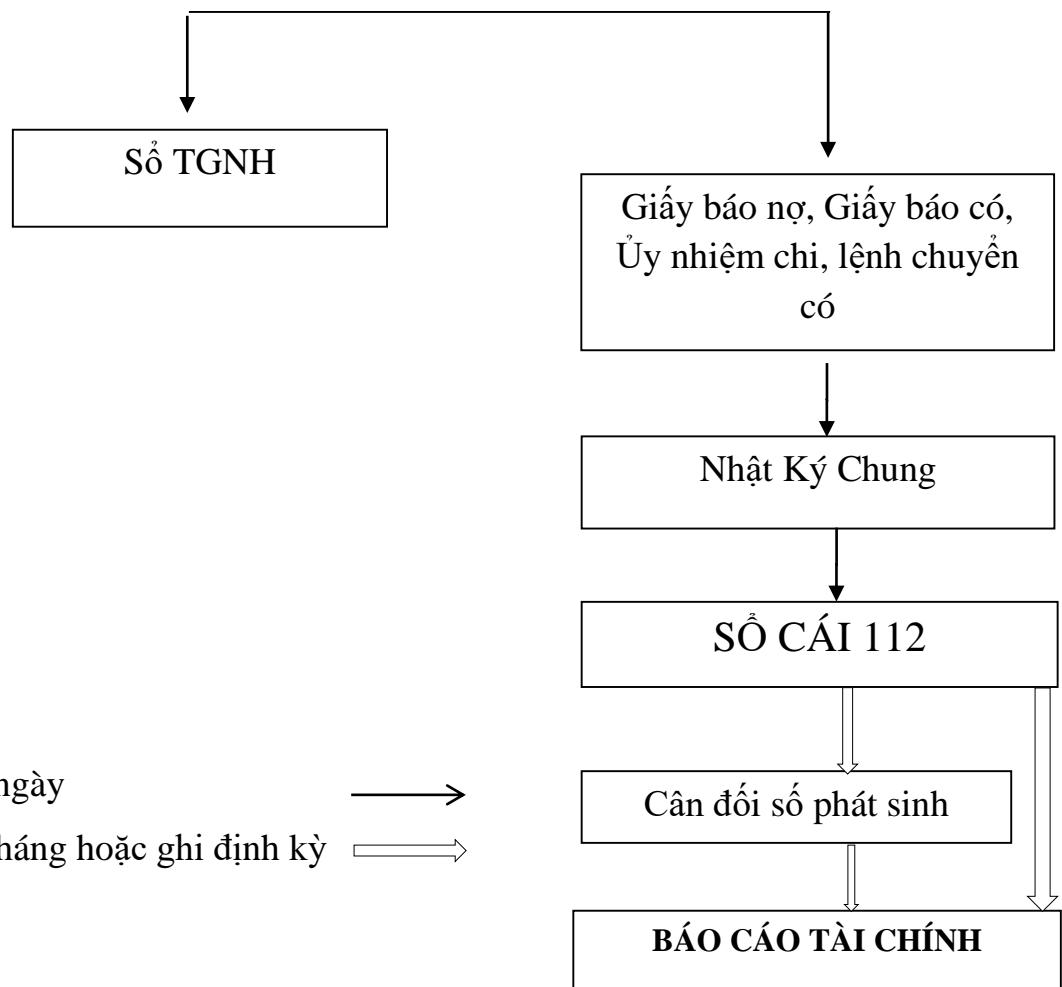
+ TK112.1 Tiền gửi ngân hàng BIDV

+ TK 112.2 Tiền gửi tại ngân hàng SHB

c. Sổ sách kế toán:

- Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 112
- Sổ Tiền gửi ngân hàng

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ \longrightarrow

Ví dụ 1: Ngày 13/8/2016 nhận được GBC số 73, ông Nguyễn Văn Minh bên san lấp, thuộc công ty Mai Linh chuyển trả số tiền nợ kỳ trước: 25.730.000 đ


- Kế toán căn cứ và giấy báo có số 73 (biểu số 11).
- Kế toán vốn bằng tiền kiểm tra lại giấy báo có.
- Căn cứ vào giấy báo có tiến hành định khoản kế toán, ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 15), từ Nhật ký chung vào sổ Cái TK112 (biểu số 16).

ĐK:

Nợ TK112: 25.730.000 đ

Có TK131: 25.730.000 đ

Biểu số 11: Giấy báo có số 73

 BIDV	GIẤY BÁO CÓ CREDIT ADVICE	Số (Seq, No):	73
		Ngày (Date):	13/8/2016
		Giờ (Time):	10:30:11.AM
Chi nhánh (Branch name):		CN HẢI PHÒNG	
Mã số thuế (Branch VAT code):			
Mã số khách hàng:		000812339 Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ	
Chew No			
Số TK/ Tên TK:		32110000633335 Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ	
A/C No/ A/C Name			
Mã giao dịch:		CASD - NỘP TIỀN MẶT	
Tran type			
Nội dung:		công ty Mai Linh chuyển trả số tiền nợ kỳ trước	
Số tiền bằng chữ:	Số tiền (Credit amount in figures & ccy code):		25.730.000
Credit amount in words	VND		
Hai mươi năm triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng.			
		Số dư (Ledge Balance & ccy):	
GIAO DỊCH VIÊN/ VN NGHIỆP VỤ		KIỂM SOÁT	
User ID TTPOANNHBT		Supervisor ID DTMTHUBT	

Ví dụ 2: Ngày 24/8/2016 cô đồng Nguyễn Thành Phương chuyển tiền góp vốn kinh doanh số tiền 5.000.000.000 đồng, theo GBC số 84.


- Kế toán căn cứ và giấy báo có số 84 (biểu số 12).
- Kế toán vốn bằng tiền kiểm tra lại giấy báo có.
- Căn cứ vào giấy báo có tiến hành định khoản kế toán, ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 15), từ Nhật ký chung vào sổ Cái TK112 (biểu số 16).

ĐK:

Nợ TK 112: 5.000.000.000

Có TK 411: 5.000.000.000

Biểu số 12 : Giấy Báo có số 84

 BIDV	GIẤY BÁO CÓ CREDIT ADVICE	Số (Seq, No):	84						
		Ngày (Date):	24/8/2016						
		Giờ (Time):	14:30:11.PM						
Chi nhánh (Branch name):	CN HẢI PHÒNG								
Mã số thuế (Branch VAT code):									
Mã số khách hàng:	000812339	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ							
Chew No									
Số TK/ Tên TK:	32110000633335	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ							
A/C No/ A/C Name									
Mã giao dịch:	CASD - NỘP TIỀN MẶT								
Tran type									
Nội dung:	cô đồng Nguyễn Thành Phương chuyển tiền góp vốn kinh doanh								
Số tiền bằng chữ:	<table border="1"> <tr> <td>Số tiền (Credit amount in figures & ccy code):</td> <td>5.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Credit amount in words</td> <td>VNĐ</td> </tr> <tr> <td>Năm tỷ đồng chẵn.</td> <td></td> </tr> </table>			Số tiền (Credit amount in figures & ccy code):	5.000.000.000	Credit amount in words	VNĐ	Năm tỷ đồng chẵn.	
Số tiền (Credit amount in figures & ccy code):				5.000.000.000					
Credit amount in words				VNĐ					
Năm tỷ đồng chẵn.									
	<table border="1"> <tr> <td>Số dư (Ledge Balance & ccy):</td> </tr> </table>			Số dư (Ledge Balance & ccy):					
Số dư (Ledge Balance & ccy):									
GIAO DỊCH VIÊN/ VN NGHIỆP VỤ		KIỂM SOÁT							
User ID TTPOANNHBT		Supervisor ID DTMTHUBT							

Ví dụ 3: Ngày 28/8/2016 Trả tiền ép cọc cho Công ty TNHH Song Hoàng số tiền đã bao gồm cả VAT số tiền: 550.000.000 đồng

- Căn cứ vào Ủy nhiệm chi nhận được (biểu số 13), giấy báo nợ số 808 (biểu số 14)
- Kế toán vốn bằng tiền kiểm tra lại UNC và giấy báo nợ.
- Kế toán tiến hành định khoản kế toán, ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 15), từ Nhật ký chung vào sổ Cái TK112 (biểu số 16).

ĐK:

Nợ 154:500.000.000


Nợ 133: 50.000.000

Có 112: 550.000.000

Biểu số 13: Ủy nhiệm chi

ỦY NHIỆM CHI/ PAYMENT ORDER		Mẫu số: 02BIDV		
		Liên số:		
		Số bút toán:		
		TK ghi nợ: 154		
		TK ghi có: 112		
ĐƠN VỊ CHUYỂN TIỀN (Applicant)			SỐ TIỀN (Amount)	
Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ			Bằng số (In figures):	550.000.000VNĐ
Số tài khoản: 32110000633335			Bằng chữ (In word):	Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn.
Tại ngân hàng: BIDV - PGD Lạch Tray				
ĐƠN VỊ NHẬN TIỀN (Beneficiary)			Phí NH:	Phí trong Phí ngoài
Tên đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH Song Hoàng				
Số TK/CMND/HC: 3231.000.000.2523			Nội dung:	
Ngày cấp:		Nơi cấp:	Chuyển tiền:	Thanh toán tiền ép cọc
Tại Ngân hàng: TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam				
ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN (Applicant)		NGÂN HÀNG A (Bank of Applicant)		
Kế toán trưởng	Chủ tài khoản	Ngày 28/8/2016	Số ghi ngày (dated) / /	
		Giao dịch viên	Kiểm soát	Giao dịch viên Kiểm soát

Biểu số 14: Giấy báo nợ 808

 BIDV	GIẤY BÁO NỢ CREDIT ADVICE	Số (Seq, No):	808
		Ngày (Date):	28/8/2016
Chi nhánh (Branch name): CN HẢI PHÒNG Mã số thuế (Branch VAT code):		Giờ (Time):	2:15:11.PM
Mã số khách hàng: 000812339 Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ Chew No Số TK/ Tên TK: 32110000633335 Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ A/C No/ A/C Name Mã giao dịch: CASD - NỘP TIỀN MẶT Tran type Nội dung: Trả tiền ếp cọc cho Công ty TNHH Song Hoàng Số tiền bằng chữ: Số tiền (Credit amount in figures & ccy code: 550.000.000 VNĐ Credit amount in words Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn. Số dư (Ledge Balance & ccy):			
GIAO DỊCH VIÊN/ VN NGHIỆP VỤ User ID TTPOANNHBT		KIỂM SOÁT Supervisor ID DTMTHUBT	

Ví dụ 4: Ngày 30/8/2016 rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt số tiền là 60.000.000 đồng, theo giấy Báo Nợ số 810 ngày 30/08/2016.

(Trình bày phần Kế toán tiền mặt)

- Căn cứ vào Giấy Báo Nợ số 810 (biểu số 6) , kế toán lập phiếu thu số 231 (biểu số 7).
- Kế toán vốn bằng tiền kiểm tra lại Phiếu thu 231, ký vào phần người lập.
- Căn cứ vào Phiếu thu tiến hành định khoản kế toán, ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 15), từ Nhật ký chung vào sổ Cái TK111 (biểu số 16).

ĐK:

Nợ TK 111: 60.000.000

Có TK 112: 60.000.000

- Căn cứ vào các chứng từ tiền gửi Giấy Báo Nợ, báo Có kế toán định khoản và ghi vào Sổ Nhật ký

Biểu số 15 :Trích sổ Nhật ký chung năm 2016**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ**Địa chỉ:** Km1+400, đường Phạm Văn Đồng,

Phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số

200/2014/TT- BTC Ngày

22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng			NỢ	CÓ
...
13/8	GBC73	13/8	Công ty Mai Linh trả tiền nợ kỳ trước	112	25.730.000	
				131		25.730.000
...
24/8	GBC 84	24/8	Cổ đông Nguyễn Thành Phương chuyển tiền góp vốn kinh doanh	112	5.000.000.000	
				411		5.000.000.000
...
28/8	GBN808	28/8	Trả tiền ép cọc cho công ty Song Hoàng	154	500.000.000	
				1331	50.000.000	
				112		550.000.000
...
30/8	GBN 810	30/8	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	111	60.000.000	
				112		60.000.000
...
			Cộng phát sinh		449.125.649.605	449.125.649.605

- Sổ này có....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 16: Trích Sổ cái TGNH năm 2016

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ
Địa chỉ: Km1+400, đường Phạm Văn Đồng,
 Phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, HP

Mẫu số: S03b – DN
 (Ban hành theo Thông tư số
 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm:2016

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Đơn vị:Đồng

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>6.820.131</u>	
.....
13/8	GBC73	13/8	Công ty Mai Linh trả tiền nợ kỳ trước	131	25.730.000	
24/8	GBC 84	24/8	Cổ đông Nguyễn Thành Phương chuyển tiền góp vốn kinh doanh	411	5.000.000.000	
28/8	GBN808	28/8	Trả tiền ép cọc cho công ty Song Hoàng	154		500.000.000
			Thuế GTGT đầu vào	133		50.000.000
30/8	GBN 810	30/8	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	111		60.000.000
.....
			Cộng số phát sinh		<u>110.896.820.861</u>	<u>110.895.832.120</u>
			Số dư cuối kỳ		<u>7.808.872</u>	

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 17: Trích sổ TGNH

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ
Địa chỉ: Km1+400, đường Phạm Văn Đồng,
 Phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, HP

Mẫu số S08- DN

(Ban hành theo Thông tư số
 200/2014/TT- BTC Ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016

Ngân hàng: Ngân hàng Đầu tư và phát triển BIDV – PGD Lạch Tray

Số hiệu: TKNH số: 1000047808

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày, tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số dư đầu năm				2.552.668
.....
13/8	GBC73	13/8	Công ty Mai Linh trả tiền nợ kỳ trước	131	25.730.000		30.282.668
24/8	GBC 84	24/8	Cổ đông Nguyễn Thành Phương chuyển tiền góp vốn kinh doanh	411	5.000.000.000		5.030.282.668
28/8	GBN808	28/8	Trả tiền ép cọc cho công ty Song Hoàng	154		500.000.000	4.530.282.668
30/8	GBN810	30/8	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	111		60.000.000	4.470.282.668
.....
			Tổng số phát sinh		12.518.866.344	12.521.322.012	
			Số dư cuối kỳ				97.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ: 01/01/2016

2.8. Đối chiếu và điều chỉnh sổ sách.

Toàn bộ hệ thống sổ sách, báo cáo kế toán của công ty sau khi được lập và hoàn chỉnh, đều được lưu trữ trong máy vi tính, nhờ vậy đã giảm bớt số lượng sổ sách cần lưu trữ cũng như tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu, kiểm tra, điều chỉnh sổ sách.

Theo định kỳ hàng tháng, kế toán chi tiết vốn bằng tiền tiến hành in sổ cho từng tài khoản để chuyển cho phó phòng kế toán, kế toán tổng hợp và các bộ phận có liên quan đối chiếu và lập các báo cáo kế toán cần thiết phục vụ cho nhu cầu quản lý.

2.8.1 Đối chiếu, kiểm tra và điều chỉnh nghiệp vụ phát sinh tiền mặt tại quỹ.

Việc quản lý tiền mặt tại két bạc càng tốt thì càng hạn chế được sự mất mát thiếu hụt, chênh lệch với sổ sách. Song, cho dù thủ quỹ có cẩn thận thế nào chăng nữa thì việc thừa hay thiếu tiền mặt vẫn có thể xảy ra.

Những nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch tiền mặt giữa sách và thực tế là:

- Khi nhận hoặc chi tiền, thông thường số lượng tiền phát sinh rất nhiều, thủ quỹ không kiểm soát được một cách chặt chẽ số lượng tiền mà mình đã nhận hoặc đã chi như: Không đếm hết được hoặc không kiểm soát được số nghiệp vụ phát sinh do có sự chênh lệch rất ít qua mỗi nghiệp vụ mà số phát sinh lại quá nhiều.

- Do những nguyên nhân về mặt kỹ thuật như máy đếm tiền, có thể bị trục trặc hoặc không phân biệt được những tờ tiền khác chủng loại.

- Do kế toán chi tiết vốn bằng tiền không phản ánh hết tất cả các nghiệp vụ phát sinh trong ngày, hoặc cũng do bị nhầm lẫn số liệu khi phản ánh một nghiệp vụ phát sinh nào đó mà chưa phát hiện được kịp thời.

Chính vì vậy việc kiểm tra, đối chiếu số tiền thực tế còn tồn quỹ và trên sổ sách giữa hai bên nhân viên kế toán và thủ quỹ là hết sức cần thiết. Có như vậy mới có khả năng phát hiện kịp thời những chênh lệch sai sót có thể xảy ra.

Khi xảy ra tình trạng chênh lệch nhân viên kế toán phải kiểm tra lại số phát sinh của từng nghiệp vụ trên sổ sách của mình trong kỳ, sau đó hai bên đối chiếu với nhau để đi đến một sự thống nhất. Khi đó tùy vào sự sai lệch ở khâu nào, của ai thì người đó có trách nhiệm điều chỉnh lại trên sổ sách của mình. Nếu sai sót thuộc về thủ quỹ thì thủ quỹ phải điều chỉnh lại số liệu trên sổ quỹ cho đúng với thực tế. Nếu sai sót thuộc về nhân viên kế toán thì nhân viên đó phải

điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán chi tiết, chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tương ứng để máy điều chỉnh lại số liệu trên các sổ kế toán mà máy đã tự động trích ra. Nếu có các chứng từ, sổ sách mà nhân viên kế toán đã chuyển đi nơi khác thì tiến hành lập biên bản, lập chứng từ ghi sổ mới, đăng ký chứng từ ghi sổ mới điều chỉnh lại sổ cũ.

Trường hợp hai bên sổ sách cùng thống nhất số liệu với nhau nhưng vẫn chênh lệch với số tiền thực tế còn tồn quỹ khi kiểm kê, thì hai bên lập biên bản với số chênh lệch đó và nhân viên kế toán sẽ có trách nhiệm phản ánh số chênh lệch này vào sổ kế toán.

Nếu chênh lệch thực tế tăng so với sổ sách kế toán ghi:

Nợ TK: 111.1

Có TK: 338.1

Nếu chênh lệch thực tế giảm so với sổ sách, kế toán ghi:

Nợ TK: 138.1

Có TK: 111.1

Sau đó sẽ trình lên cấp trên để tìm ra nguyên nhân và biện pháp giải quyết. Trường hợp sổ sách của kế toán và thủ quỹ đã thống nhất với nhau về số liệu cùng với thực tế còn tồn ở két bạc, để đảm bảo kế toán và thủ quỹ cần xem xét lại các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ để có thể tìm thấy những sai sót chênh lệch đáng tiếc. Khi phát hiện chênh lệch giữa sổ sách phản ánh và thực tế phát sinh mà trên sổ sách và thực tế tồn quỹ đồng nhất, kế toán điều chỉnh lại các nghiệp vụ đã ghi sổ đồng thời phản ánh số chênh lệch đó như trên (tùy vào từng trường hợp cụ thể).

2.8.2. Đối chiếu, kiểm tra và điều chỉnh nghiệp vụ phát sinh TGNH.

Việc kiểm tra, đối chiếu và điều chỉnh trên tài khoản TGNH nhằm đảm bảo sự thống nhất số tiền đã phát sinh và hiện còn dư tại tài khoản tiền gửi giữa sổ sách của NH và sổ sách của nhân viên kế toán công ty.

Thông thường mỗi khi nhận được giấy báo của NH về nghiệp vụ phát sinh trên tài khoản TGNH của công ty, nhân viên kế toán sẽ đối chiếu các chứng từ, sổ sách của mình với sổ sách của NH về số phát sinh, số dư của tài khoản. Do cả hai bên cùng quản lý những số liệu phát sinh trên một tài khoản duy nhất thông qua hệ thống sổ sách khác nhau nên cả hai đều cố gắng không để tình trạng chênh lệch xảy ra và thực tế ở công ty vẫn chưa xảy ra tình trạng này.

Tuy nhiên dù rất cẩn thận trong công tác hạch toán cũng như việc ghi sổ và hệ thống kiểm soát rất có hiệu quả ở NH và ở đơn vị mở tài khoản, song khi công việc và nghiệp vụ phát sinh nhiều thì tình trạng nhầm lẫn vẫn có thể xảy ra. Khi có sự chênh lệch, dù cho là do nguyên nhân gì, phát sinh ở khâu nào thì cả hai bên cũng cần có sự đối chiếu, kiểm tra sổ sách để tiến tới thống nhất về số phát sinh cũng như số dư thực tế của đơn vị, từ đó có thể điều chỉnh kịp thời sổ sách của mỗi bên. Nếu chưa kịp thời tìm ra nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch đó mà kỳ quyết toán đã đến thì nhân viên kế toán phải tạm thời căn cứ theo số liệu của NH để phản ánh vào TK 112. Số chênh lệch sẽ được phản ánh như sau.

Nếu sổ sách của nhân viên kế toán phản ánh thừa so với sổ sách NH, kế toán ghi:

Nợ TK 138.1

Có TK 112

Nếu sổ sách kế toán thiếu so với sổ sách của NH, kế toán ghi:

Nợ TK112

Có TK 338.1

Sang kỳ sau kế toán phải tiếp tục tìm nguyên nhân của sự chênh lệch đó và kiến nghị những biện pháp điều hoà chênh lệch giữa hai hệ thống sổ sách với cấp trên.

Chương 3.**MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ****3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ**

Từ khi được thành lập lại đến nay, Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ luôn phải đối đầu với hàng loạt khó khăn, đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt của đơn vị, tổ chức kinh tế khác, nhưng Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh lớn công ty đã phải tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Song, bên cạnh những yếu tố trên, tinh thần đoàn kết cũng đóng vai trò quan trọng trên bước đường tự khẳng định mình. Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên. Công tác quản lý và hạch toán kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình quản lý kinh doanh của công ty.

Hiện nay, Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ đang sử dụng hệ thống tài khoản kế toán thống nhất, đồng thời áp dụng hình thức tổ chức sổ kế toán “Nhật ký chung”. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, mỗi kế toán viên đều được phân công công việc rõ ràng. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng khéo léo và nhịp nhàng giữa lý thuyết và thực tế tại công ty, biết áp dụng những phương pháp hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng thời có thể giảm được khối lượng công việc ghi chép thừa để đạt được hiệu quả cao. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy vi tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, số liệu luôn chính xác.

Do địa bàn kinh doanh rộng lớn nên công ty đã áp dụng kiểu vừa tập trung vừa phân tán để thực hiện công tác kế toán của mình. Đây là sự lựa chọn hết sức phù hợp, đảm bảo tính thống nhất, tổng hợp trong việc cung cấp thông tin cho lãnh đạo công ty. Với việc tổ chức bộ máy kế toán hợp lý và lựa chọn hình thức sổ kế toán phù hợp đã góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả của

công tác kế toán cũng như công tác quản lý hoạt động kinh doanh tại công ty.

Như đã phân tích rõ ở phần trước, trong công tác hạch toán kế toán tại Công ty thì hạch toán vốn bằng tiền là một khâu vô cùng quan trọng. Nhờ nhận thức rõ điều này, công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng vốn bằng tiền.

Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được đảm bảo tính an toàn cao. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật hàng ngày nên thông tin kinh tế mang tính liên tục và chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hoá tới mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những hiện tượng kinh tế có liên quan đến tình trạng biến động của vốn bằng tiền.

Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định và đã được chi tiết tối đa cho từng loại tiền. Sự chi tiết đó đã cho phép ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

Sổ sách kế toán được lập và ghi chép rõ ràng, rành mạch. Việc lưu trữ thông tin và lập sổ sách đã được thực hiện trên máy vi tính và chỉ in ra với sự lựa chọn đối với sổ sách cần thiết phục vụ cho kinh doanh, quản lý.

Trên đây là một số những nhận xét về ưu điểm của Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ nói chung và phòng kế toán nói riêng trong việc tìm ra con đường có tính hiệu quả nhất cho kinh doanh.

3.1.1. Ưu điểm, nhược điểm công tác kế toán vốn bằng tiền.

3.1.1.1. Ưu điểm

- **Về bộ máy quản lý.**

Mô hình quản lý của công ty được xây dựng một cách khoa học, hợp lý.

Công ty có những biện pháp quản lý cũng như phân chia từng phòng ban khác nhau sao cho đạt hiệu quả công việc cao nhất còn tạo điều kiện tốt nhất để các khâu, các bộ phận hoạt động, liên kết với nhau nhịp nhàng, tạo điều kiện cho quá trình kinh doanh của công ty thuận lợi nhất.

Ban lãnh đạo là những người có trách nhiệm luôn quan tâm chăm sóc đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động.

Công ty có đội ngũ nhân viên giỏi, có trình độ năng lực tốt luôn có những chế độ khen thưởng kịp thời khuyến khích người lao động làm việc.

- **Về tổ chức bộ máy kế toán.**

Công ty cổ phần Đầu tư Sao Đỏ tổ chức mô hình tập trung, phòng kế toán thực hiện toàn bộ công tác kế toán của công ty, các kế toán viên làm nhiệm vụ ghi chép các nghiệp vụ phát sinh ban đầu, thu thập những số liệu giản đơn gửi về phòng tài chính kế toán, kế toán trưởng sẽ tổng hợp số liệu và làm các sổ sách kế toán liên quan. Có thể nói đây là một tổ chức phù hợp với quy mô sản xuất, kinh doanh hiện tại của công ty.

Công ty những nhân viên kế toán giàu kinh nghiệm, có trình độ nhiệt tình và có sự nhạy bén, vận dụng linh hoạt trong việc xử lý các nghiệp vụ phát sinh và tổng hợp các thông tin kế toán.

Từ việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lệ chứng từ được tiến hành rất kỹ lưỡng, cẩn thận đảm bảo chính xác, hợp lý, rõ ràng... Mọi số liệu sau khi đã được tổng hợp đều được kế toán trưởng kiểm tra.

Công tác hạch toán của công ty nói chung và công tác hạch toán vốn bằng tiền nói riêng luôn được công ty quan tâm chặt chẽ và không ngừng hoàn thiện.

- **Về hình thức kế toán**

Công ty cổ phần Đầu tư Sao Đỏ áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”, hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và phù hợp với quy mô và điều kiện kế toán của công ty. Công ty đã thực hiện tốt việc hạch toán vốn bằng tiền, cung cấp các số liệu chính xác, có thật, kịp thời và đầy đủ cần thiết cho việc quản lý, xử lý giúp công ty sử dụng vốn sao cho có hiệu quả.

- **Về chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng.**

Sổ sách của công ty được ghi một cách rõ ràng, rành mạch. Công ty đã xây dựng một hệ thống các loại chứng từ kế toán quy định cho các nghiệp vụ kinh tế khác nhau đảm bảo tính pháp lý.

Việc luân chuyển chứng từ được thực hiện một cách linh hoạt, đúng trình tự khoa học thuận lợi cho việc ghi chép cũng như kiểm tra và được sử dụng theo mẫu biểu của Bộ tài chính ban hành.

Các chứng từ sau khi được tổng hợp được bảo quản theo đúng chế độ lưu trữ tài liệu kế toán của nhà nước. Các nghiệp vụ phát sinh được ghi chép hàng ngày nên thông tin mang tính liên tục, chính xác.

Công ty bảo quản tiền mặt trong két để đảm bảo tính an toàn tránh tình trạng tham ô lãng phí. Đặc biệt thủ quỹ là người trung thực, có năng lực

chuyên môn, thận trọng trong nghề nghiệp và không phải là nhân viên kế toán đảm bảo tính công khai rõ ràng.

Đối với tiền gửi ngân hàng, kế toán liên hệ chặt chẽ và có quan hệ tốt với các ngân hàng công ty làm việc. Các chứng từ được cập nhật và đối chiếu thường xuyên với Ngân hàng giúp quản lý dễ dàng và chặt chẽ hơn.

Qua đây ta thấy công ty đã đảm bảo tính thống nhất về phạm vi phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế, đảm bảo các số liệu luôn chính xác, hợp lý, rõ ràng và thống nhất.

3.1.1.2. Nhược điểm.

Bên cạnh những ưu điểm công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục.

Công ty không sử dụng tài khoản 113 – “ tiền đang chuyển” nên đôi khi không phản ánh đúng tình hình tăng giảm của vốn bằng tiền.

Khi giao dịch với các doanh nghiệp khác nhiều doanh nghiệp nợ tiền công ty trong thời gian dài nhưng kế toán không tiến hành trích các khoản dự phòng phải thu khó đòi, ảnh hưởng việc thu hồi vốn.

Về việc thanh toán lương : Công ty thường trả lương cho CNV vào ngày 29 hàng tháng nên cần một khoản tiền mặt tương đối lớn để chi trả làm ảnh hưởng đến dòng tiền ra của doanh nghiệp.

Vào thời điểm cuối tháng công ty thường phải thanh toán, chi trả tiền hàng với lượng tiền lớn nhưng không trả lương đúng ngày sẽ làm ảnh hưởng uy tín công ty.

Công ty có thủ quỹ trung thực có trình độ chuyên môn nhưng công tác kiểm kê định kỳ chưa được thủ quỹ kiểm tra thường xuyên cập nhật đối chiếu số liệu kế toán và số thực tế có thể làm ảnh hưởng đến thời gian xử lý và việc quản lý tiền mặt của công ty.

Hiện tại công ty chưa có phần mềm kế toán riêng biệt nên việc thực hiện vẫn tốn thời gian trong việc ghi chép, tổng hợp, đặc biệt cuối kỳ kế toán khối lượng công việc lớn làm nhân viên kế toán phải làm thêm giờ.

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Đầu tư Sao Đỏ.

Ý kiến 1: Hoàn thiện việc đưa tài khoản 113 – “Tiền đang chuyển” vào hạch toán.

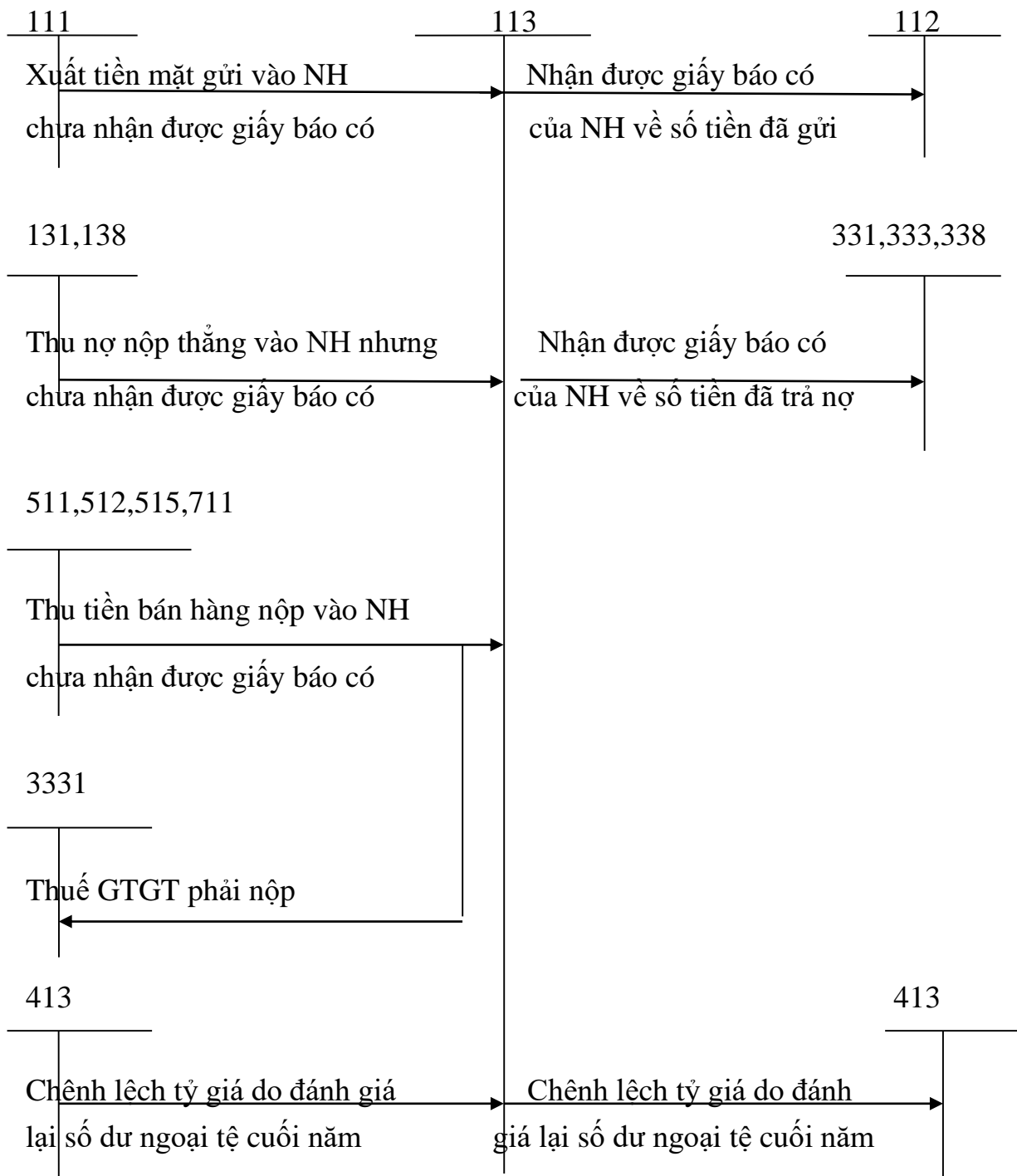
Trong trường hợp tiền mặt đã xuất khỏi quỹ đã nộp vào ngân hàng, kho bạc nhà nước, gửi vào bưu điện để thanh toán, giao dịch với đơn vị khác nhưng chưa có giấy báo có của ngân hàng, khách hàng, do không sử dụng tài khoản 113 mà công ty phải chờ vài ngày sau khi đầy đủ chứng từ mới hạch toán.

Vì vậy việc phản ánh số dư công nợ trên báo cáo tài chính chưa được chính xác. Bởi vậy việc sử dụng tài khoản 113 là vô cùng cần thiết.

Giải pháp:

Công ty nên sử dụng tài khoản 113 theo sơ đồ sau để đảm bảo tính chính xác, hợp lý trong hạch toán:

Hạch toán tiền đang chuyển.



Ý kiến 2: Hoàn thiện việc tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ hoặc đột xuất.

Khi sổ sách kế toán và sổ quỹ tiền mặt có chênh lệch kế toán và thủ quỹ cần kiểm tra và đối chiếu lại để tìm ra sai sót và tìm cách xử lý.

Nếu không kiểm kê quỹ thường xuyên thì sẽ không phát hiện sai sót, chênh lệch sớm sẽ mất thời gian kiểm tra cũng như có thể gây mất mát lớn ảnh hưởng nguồn vốn cũng như phải chịu trách nhiệm về sai sót.

Giải pháp:

Cần kiểm tra quỹ thường xuyên, cũng có thể kiểm tra đột xuất hay khi bàn giao quỹ, biên bản kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê. Thủ quỹ cần phải ghi sổ quỹ hàng ngày theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải kiểm tra các sổ quỹ, phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê, mọi khoản chênh lệch cần phải báo ban giám đốc để tìm cách giải quyết.

Cần kiểm kê riêng từng loại tiền khi có chênh lệch cần ghi rõ nguyên nhân thừa thiếu.

Bảng kiểm kê quỹ được lập thành 2 bản, một bản thủ quỹ giữ, một bản lưu ở kế toán, giúp tăng cường công tác quản lý tiền mặt tại quỹ.

Các khoản thừa quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân, ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3381)

Các khoản thiếu quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân, ghi:

Nợ TK 138 – Phải thu khác (1381)

Có TK 111 – Tiền mặt.

Mẫu bảng kiểm kê quỹ:

Biên bản kiểm kê quỹ dùng cho đồng Việt Nam

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ
Địa chỉ: Km1+400, đường Phạm Văn Đồng,
 Phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, HP

Mẫu số: S08b – DN
 (Ban hành theo Thông tư số
 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài Chính)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ QUỸ
(Dùng cho VNĐ)

Số:

Hôm nay, vào.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:Đại diện kế toán

Ông/Bà:Đại diện thủ quỹ

Ông/Bà:Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	x
II	Số kiểm kê thực tế	x
1	Trong đó:		
2	- Loại
3	- Loại
4	- Loại
5	-
III	Chênh lệch (III = I – II)	x

- Lý do:

+Thừa:

+Thiếu:

-Kết luận sau khi kiểm kê quỹ.....

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Thủ quỹ
 (Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ
 (Ký, họ tên)

Biên bản kiểm kê quỹ dùng cho đồng Việt Nam**Mẫu số: S08b – DN**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ
Địa chỉ: Km1+400, đường Phạm Văn Đồng,
 Phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, HP

(Ban hành theo Thông tư số
 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài Chính)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ QUỸ**(Dùng cho VNĐ)**

Số:

Hôm nay, vào 10 giờ ngày 30 tháng 09 năm 2016.

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà: Nguyễn Thị Thủy

Đại diện kế toán

Ông/Bà: Bùi Thị Vân Anh.

Đại diện thủ quỹ

Ông/Bà: Nguyễn Văn Trường

Đại diện Ban giám đốc

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	x	186.500.000
II	Số kiểm kê thực tế	x	186.500.000
1	Trong đó:		
2	- Loại: 500.000	150	75.000.000
3	- Loại 200.000	300	60.000.000
4	- Loại 100.000	390	39.000.000
5	- Loại 50.000	250	12.500.000
III	Chênh lệch (III = I – II)	x	

- Lý do:

+Thừa:.....

+Thiếu:

-Kết luận sau khi kiểm kê quỹ.....

Kế toán trưởng**Thủ quỹ****Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Ý kiến 3: Hoàn thiện về việc ứng dụng phần mềm kế toán

Việc áp dụng kế toán thủ công rất mất thời gian, vẫn còn sai sót do thiếu sót hay nhầm lẫn (trong phạm vi cho phép) nên sử dụng phần mềm sẽ hỗ trợ cho nhân viên kế toán rất nhiều: tiết kiệm thời gian, công sức, đơn giản, nhanh gọn và dễ nhìn dễ theo dõi, đối chiếu hay kiểm tra..

Giải pháp:

Công ty có thể sử dụng các phần mềm được nhiều doanh nghiệp sử dụng và được thao tác dễ dàng trên máy tính có tác dụng cao nhất giúp công ty hạch toán được chính xác và đơn giản nhất qua sự ghi sổ của kế toán trên phần mềm.

Một trong số những phần mềm dễ sử dụng và được áp dụng nhiều hiện nay :

- ✓ Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012.
- ✓ Phần mềm kế toán Fast Accounting.

➤ Phần mềm Misa:

Phần mềm kế toán MISA là hệ thống các chương trình máy tính, tự động xử lý các thông tin kế toán từ khâu lập chứng từ gốc, phân loại chứng từ, ghi chép sổ sách, xử lý thông tin chứng từ, sổ sách theo chế độ kế toán đến khâu in sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, kế toán quản trị, thống kê phân tích tài chính khác.

A. Ưu điểm của phần mềm kế toán MISA

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đang dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.
- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên 01 CSDL độc lập.
- Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được đó là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu.
- Tính chính xác: số liệu tính toán trong misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.
- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữa nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

-Nếu dùng phần mềm đóng gói thì giá thành sẽ rẻ, chi phí triển khai sẽ được tiết kiệm và thời gian triển khai sẽ ngắn và dễ dàng hơn.



Giao diện chính của phần mềm kế toán Misa

B. Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.
- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.
- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà SX chú ý phát triển.
- Các báo cáo khi kết xuất ra excell sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

C. Tính năng của phần mềm kế toán MISA

MISA là phần mềm kế toán được thiết kế từ nhiều phân hệ độc lập, tích hợp với nhau tạo thành một hệ thống quản trị tài chính chặt chẽ. Phần mềm kế toán MISA được phát triển trên nền tảng công nghệ mới nhất – Microsoft.NET, tích hợp hàng loạt những tính năng ưu việt, tự động hóa tất cả các nghiệp vụ kế toán,

dữ liệu tài chính được cập nhật từng giây, là công cụ hỗ trợ đắc lực cho các doanh nghiệp trong công tác hạch toán kế toán phần mềm có những tính năng sau:

- Thể hiện tính chính xác: Luôn tuân thủ các quy định về kế toán của bộ tài chính, tự động xử lý thông tin đảm bảo tính chính xác
- Tính hiệu quả cao: Có khả năng nâng cấp, sửa đổi bổ xung phù hợp với những thay đổi của chế độ kế toán, chính sách tài chính mà không ảnh hưởng đến các dữ liệu đã có, đảm bảo tính bảo mật và an toàn cao.
- Tính chuyên nghiệp sâu: Thể hiện ở các nghiệp vụ trong tài chính được liên kết chặt chẽ với nhau theo một hệ thống nhất định.

✓ Phần mềm Fast Accounting :

-Phần mềm Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 3.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...



Giao diện chính của phần mềm FAST

A. Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).
- Tốc độ xử lý rất nhanh.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excell với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

B. Nhược điểm:

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).
- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

C. Tính năng:

Phần mềm Fast Accounting có 16 phân hệ giúp kế toán thực hiện trên phần mềm đạt hiệu quả cao và chính xác nhất:

1. Hệ thống
2. Kế toán tổng hợp
3. Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay.
4. Kế toán bán hàng và công nợ phải thu.
5. Kế toán mua hàng và công nợ phải trả.
6. Kế toán hàng tồn kho.
7. Kế toán TSCĐ.
8. Kế toán CCLĐ.
9. Báo cáo chi phí theo khoản mục.
10. Kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp.
11. Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục.
12. Kế toán giá thành sản phẩm theo đơn hàng,
13. Báo cáo thuế.
14. Báo cáo quản trị các trường do người dùng tự định nghĩa.
15. Quản lý hóa đơn.
16. Thuế thu nhập cá nhân.

Kết luận

Qua thời gian thực tập, kết hợp với nghiên cứu lý luận và thực tiễn, em nhận thấy công tác kế toán vốn bằng tiền vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tế cao.

Để kế toán phát huy được vai trò của mình trong quản lý kinh tế thông qua việc phản ánh với giám đốc một cách chặt chẽ, toàn vẹn tài sản tiền vốn của công ty ở mọi khâu của quá trình tái sản xuất nhằm cung cấp các thông tin chính xác và hợp lý phục vụ cho việc lãnh đạo hoạt động kinh doanh. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán của công ty là một tất yếu, nhất là trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Vốn bằng tiền đã trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu đối với mọi doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý thì việc hạch toán vốn bằng tiền đòi hỏi cũng phải được kiện toàn.

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gian thực tập tại công ty có hạn nên trong quá trình nghiên cứu và trình bày bài viết này không tránh khỏi sai sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy cô cùng cán bộ phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ. Em xin chân thành cảm ơn thầy giáo ThS. Phạm Văn Tường và các anh chị trong Công ty đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành báo cáo thực tập này.

Sinh viên

Vũ Hồng Trang